"TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP"

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số số 0103009579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 26/10/2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Bản cáo bạch và các tài liệu bổ sung này sẽ được cung cấp tại:

1. **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí**
   - 97 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
   - Điện thoại: (84.4) 8 56.28.61 – 5.14.03.50 Fax: (84.4) 8.56.25.52
2. **Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PV Securities)**
   - 20 Ngô Quyền – Hoàn Kiếm – Hà Nội
   - Điện thoại: (84.4) 2 78.98.98 Fax: (84.4) 2.78.89.89
3. **Chi nhánh PV Securities tại Tp. Hồ Chí Minh.**
   - Lầu 7, Số 1-5 Lê Duẩn - Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh
   - Điện thoại: (84.8) 9.11.18.18

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Dương Thị Mai Hoa** Chức vụ: Phó phòng Phụ trách Chiến lược và phát triển KD

Số điện thoại: 04.8.56.10.75 Fax: 04. 8.56.25.52

CÔNG TY CỔ PHẦN DUNG DỊCH KHOAN VÀ HOÁ PHẨM DẦU KHÍ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103009579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 26/10/2006)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 12.000.000 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết: 120.000.000.000 đồng

(tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PV Securities)**

Trụ sở chính

Địa chỉ: 20 Ngô Quyền – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 2.78.98.98 Fax: (84.4) 2.78.89.89

E-mail: pvsecurities@.com.vn Website: www.pvsecurities.com.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 7, Số 1-5 Lê Duẩn - Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 9 11.18.18 Fax: (84.4) 9 .11.19.19

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ **Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)**

Địa chỉ: Số 8 Phạm Ngọc Thạch - Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 8 52.41.23 Fax: (84.4) 8 52.41.43

DANH MỤC CÁC HÌNH VÀ BẢNG BIỂU TRÌNH BÀY TRONG BẢN CÁO BẠCH

Danh mục	Diễn giải	Trang
Hình		
Hình 1	Cơ cấu tổ chức công ty	8
Hình 2	Cơ cấu bộ máy quản lý công ty	11
Hình 3	Cơ cấu doanh thu 2006	18
Hình 4	Cơ cấu lợi nhuận gộp 2006	19
Bảng		
Bảng 1	Cơ cấu vốn cổ phần trước khi đăng ký niêm yết tại ngày 21/06/2007	12
Bảng 2	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 21/06/2007	12
Bảng 3	Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 21/06/2007	13
Bảng 4	Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2005 – 2006	18
Bảng 5	Cơ cấu lợi nhuận gộp 2005 – 2006	19
Bảng 6	Chi phí kinh doanh 2005 – 2006	20
Bảng 7	Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	23
Bảng 8	Kết quả hoạt động kinh doanh 2005 – 2006	24
Bảng 9	Tình tình tiêu thụ sản phẩm năm 2006 và 6 tháng đầu năm 2007	26
Bảng 10	Kết quả HĐKD 2005-2006 của Công ty liên doanh M-I Việt Nam	27
Bảng 11	Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2007	35
Bảng 12	Tình hình trích lập các Quỹ theo Luật định	37
Bảng 13	Các khoản phải thu năm 2005-2006	37
Bảng 14	Các khoản phải trả, phải nộp năm 2005-2006	38
Bảng 15	Khoản phải trả người lao động	38
Bảng 16	Các khoản phải trả nội bộ 2005 – 2006	39
Bảng 17	Các khoản phải trả, phải nộp khác năm 2005 – 2006	39
Bảng 18	Các chỉ tiêu đánh giá tình hình kinh doanh 2005 – 2006	40
Bảng 19	Tình hình đất đai, nhà xưởng của Công ty	46
Bảng 20	Danh mục tài sản cố định	47
Bảng 21	Các chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2007-2010	47

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 1

1. Rủi ro kinh tế 1

2. Rủi ro về luật pháp 1

3. Rủi ro trong hoạt động kinh doanh 2

4. Rủi ro khác 3

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 3

1. Tổ chức niêm yết 3

2. Tổ chức tư vấn 3

III. CÁC KHÁI NIỆM 3

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 4

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 4

2. Cơ cấu tổ chức Công ty 6

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 8

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ. 12

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết. 13

6. Hoạt động kinh doanh. 15

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất. 24

8. Chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2007-2010 32

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 33

10. Chính sách đối với người lao động 35

11. Chính sách cổ tức 36

12. Tình hình hoạt động tài chính 36

13. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. 40

14. Tài sản 46

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007-2010 47

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 49

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin đăng ký 50

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký 50

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 50

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 52

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Trong các năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tăng trưởng khả quan. Năm 2006, tốc độ tăng trưởng kinh tế là 8,2%. Theo dự báo của Tổ chức kinh tế xã hội khu vực châu Á Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc, GDP của Việt Nam có thể đạt 8,3% vào năm 2007. Dự báo này là hoàn toàn có cơ sở vì tính riêng Quý I/2007, GDP của Việt Nam ước tính tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước. Đây là dấu hiệu khả quan cho nền kinh tế Việt Nam, tuy nhiên cũng cảnh báo những dấu hiệu tiềm ẩn về sự phát triển nóng và thiếu tính bền vững.

Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí là công ty hàng đầu ở Việt nam trong lĩnh vực cung cấp hoá chất và dịch vụ dung dịch khoan phục vụ cho ngành công nghiệp Dầu khí và các ngành kinh tế khác. Do vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng không nhỏ từ các biến động kinh tế nói chung và các biến động đặc thù của ngành công nghiệp dầu khí nói riêng. Các biến động kinh tế như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, biến động về tỷ giá... đều có ảnh hưởng trực tiếp đến ngành dầu khí nói chung và đến việc kinh doanh của công ty nói riêng, cụ thể như:

- Khi nền kinh tế tăng trưởng, nhu cầu về dầu thô tăng cao, kéo theo nhu cầu thăm dò và khai thác dầu khí tăng không chỉ ở Việt Nam và cả trên thế giới. Điều này khiến cho nhu cầu về hóa phẩm phục vụ trong khoan khai thác dầu khí sẽ tăng cao, và do đó có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tình hình lạm phát, biến động tỷ giá, lãi suất ngân hàng .....cũng có ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty, đặc biệt đối với hoạt động xuất khẩu sản phẩm. Và do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán cũng sẽ chịu ảnh hưởng của những tác động trên.

Trong những năm tới đây, khi quá trình gia nhập WTO của Việt Nam ngày càng sâu rộng, áp lực cạnh tranh đối với Công ty sẽ tăng lên. Công ty sẽ phải đối mặt với sự xuất hiện ngày càng nhiều của những đối thủ cạnh tranh trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên, với những lợi thế về ngành nghề truyền thống, uy tín và thương hiệu dầu khí, cơ sở vật chất kỹ thuật, yếu tố con người...., Công ty sẽ nỗ lực tận dụng những cơ hội và đối mặt với những thách thức để phát triển lành mạnh và bền vững.

2. Rủi ro về luật pháp

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng bởi hệ thống luật pháp Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường .... Sau khi niêm yết trên thị trường chứng khoán, công ty còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trong những năm qua, mặc dù Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý chặt chẽ hơn, nhưng thật sự vẫn chưa hoàn chỉnh và thiếu tính ổn định. Các chính sách của Nhà nước và của địa phương sẽ tiếp tục được sửa đổi và hoàn thiện, do vậy, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý cho hoạt động kinh doanh của công ty. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt, và các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp công ty hạn chế được rủi ro này.

3. Rủi ro trong hoạt động kinh doanh

- Rủi ro về khoa học-công nghệ: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gắn liền với công nghệ sản xuất các loại hoá phẩm phục vụ chủ yếu trong lĩnh vực khoan thăm dò, khai thác dầu khí (ví dụ công nghệ sản xuất và cung cấp các hệ dung dịch khoan, công nghệ phức hợp vi sinh hoá lý, công nghệ nghiên cứu tăng cường thu hồi dầu....). Hiện nay khoa học công nghệ nói chung và công nghệ sản xuất hoá phẩm nói riêng trong khu vực và trên thế giới không ngừng phát triển, chu kỳ thay đổi công nghệ ngày càng ngắn. Đây là thách thức không chỉ đối với riêng công ty mà cả đối với tất cả các công ty hoạt động trong ngành khai thác Dầu khí Việt Nam trước nguy cơ tiềm ẩn tụt hậu về công nghệ nếu không có chiến lược tiếp cận cụ thể và linh hoạt.

- Rủi ro nguyên liệu đầu vào*:* Hoạt động sản xuất của Công ty đòi hỏi một khối lượng nguyên vật liệu lớn nhưng Công ty vẫn chưa tự chủ được nguồn nguyên liệu cho các sản phẩm truyền thống là Barite, Bentonite... Tuy công ty đã chọn lựa được nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào có uy tín, đảm bảo cung cấp đầu vào với chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh và luôn dành cho công ty những chính sách hỗ trợ ưu đãi, nhưng việc chưa có chủ quyền về mỏ khai thác đã khiến công ty gặp khó khăn trong việc chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra, nguồn nguyên liệu ở xa đã làm tăng chi phí sản xuất, dẫn đến giá thành sản phẩm của Công ty tại một số thời điểm cao hơn so với đối thủ cạnh tranh. Hơn nữa, chính sách quản lý và khai thác quặng ở các tỉnh cũng khác nhau và thường xuyên thay đổi khiến cho công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Rủi ro cạnh tranh: Hiện nay, với lợi thế về ngành nghề truyền thống, uy tín và thương hiệu dầu khí, công ty vẫn đang chiếm giữ hơn 90% thị phần cung cấp các sản phẩm dung dịch khoan và hoá phẩm phục vụ trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam. Tuy nhiên, trên thị trường ngày càng có nhiều các cơ sở trong nước cùng sản xuất kinh doanh các mặt hàng truyền thống của Công ty. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt này buộc công ty phải xây dựng và thực hiện tốt định hướng phát triển của mình.

- Rủi ro liên quan đến giá cả chứng khoán niêm yết*:* Giá của một loại cổ phiếu liên quan đến cung cầu của thị trường và mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư nên giá cổ phiếu của công ty khi giao dịch trên thị trường chứng khoán cũng không nằm ngoài quy luật này.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v…), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

Các yếu tố rủi ro trên đây mang tính ảnh hưởng chung nhất đối với tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế .

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông	**NGUYỄN HỮU PHẨM**	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
Ông	**BÙI NGỌC QUANG**	Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Bà	**ĐINH THỊ THỦY**	Chức vụ: Kế toán trưởng.
Ông	**TẠ VĂN NGỪNG**	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông **DƯƠNG MINH ĐỨC** Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PV Securities) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH XI được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- TTGDCK Hà Nội: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Công ty: Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí.
- HĐQT: Hội đồng Quản trị.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

a. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DUNG DỊCH KHOAN VÀ HOÁ PHẨM DẦU KHÍ**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **DRILLING MUD JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch viết tắt: **DMC**
- Trụ sở chính của Công ty:
  - Địa chỉ: 97 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội.
  - Điện thoại: (84.4) 8 56.28.61 – 5.14.03.50 Fax: (84.4) 8.56.25.52.
  - Website: *www. drillingmud.com.vn* Email: dmc@pvdmc.com.vn
  - Mã số thuế: 0100150873.
- Vốn điều lệ: **120.000.000.000** đồng *(Một trăm hai mươi tỷ đồng)*
- Ngành nghề kinh doanh *(theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103009579, đăng ký lần đầu ngày 18/10/2005, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 26/10/2007)*

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh các nguyên vật liệu, hoá chất, hoá phẩm dùng cho dung dịch khoan và xi măng trong công nghiệp dầu khí; phục vụ khoan thăm dò khai thác dầu khí, các ngành công nghiệp và dân dụng như: barite, bentonite, silica flour, biosafe, xi măng giếng khoan, calcium carbonate, bazan, polime, dolomite, fleldspar, thạch anh, thạch cao, ben dak, zeolite, các chất diệt khuẩn, bôi trơn, chống nấm mốc, các chất có hoạt tính sinh học, các loại vật tư bao bì, hoá chất, các sản phẩm trên cơ sở silicat, làm dịch vụ kinh doanh các sản phẩm hoá dầu hoá khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hoá chất, thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ cho khoan, khai thác và chế biến dầu khí (ngành công nghiệp dầu khí) và các ngành công nghiệp khác;
- Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, cung cấp các chuyên gia và dịch vụ kỹ thuật về dung dịch khoan, xi măng giếng khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí; xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các công trình dân dụng khác;
- Kinh doanh các sản phẩm keo dán gỗ, bột bả tường phục vụ cho ngành công nghiệp;
- Kinh doanh khí nén tự nhiên (CNG);
- Xây dựng và kinh doanh cao ốc;
- Kinh doanh thiết bị, máy móc phục vụ cho ngành khai thác khoáng sản;
- Kinh doanh các sản phẩm hàng tiêu dùng, đồ điện gia dụng, hàng hoá vật tư thiết bị điện máy, điện tử;

- Kinh doanh nguyên liệu, vật tư ngành giấy;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu, vật tư ngành sơn;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải
- Kinh doanh khí thấp áp;
- Kinh doanh các loại phân bón sản xuất trong và ngoài nước;
- Dịch vụ thể dục thể thao (đào tạo, tổ chức và tham gia thi đấu, chuyển nhượng vận động viên)(Chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sàn thi đấu thể thao
- Kinh doanh, cho thuê trang thiết bị thể dục thể thao, trang phục thi đấu, hàng lưu niệm./.

b. Qúa trình hình thành và phát triển

- Ngày 26/6/1986 đã ghi nhận một một mốc dấu quan trọng trong nền công nghiệp Dầu khí Việt Nam với việc tấn dầu đầu tiên từ mỏ Bạch Hổ được khai thác, đưa Việt Nam có tên trong danh sách các nước khai thác và xuất khẩu dầu thô thế giới, khẳng định một tương lai phát triển đầy hứa hẹn của cho ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam. Đặc biệt , cùng với việc phát hiện ra dòng dầu công nghiệp đầu tiên ở mỏ Bạch Hổ, Mỏ Rồng, việc phát hiện ra tầng móng chứa dầu có trữ lượng lớn ở vùng mỏ Bạch Hổ đã đưa sản lượng khai thác dầu thô tăng đáng kể. Với chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước và việc Luật Đầu tư nước ngoài được thông qua, các Công ty Dầu khí nước ngoài (Total, Shell, Petronas, Enterprise Oil…) đã tiến hành hợp tác đầu tư với các công ty dầu khí trong nước về lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam. Ngành Dầu khí chủ trương đẩy nhanh tiến trình khoan thăm dò và khai thác dầu khí trên một diện rộng ở thềm lục địa Việt Nam, đồng thời với việc xây dựng, phát triển lĩnh vực dịch vụ dầu khí. Chính trong bối cảnh đó, theo Quyết định số 182/ QĐ-TCDK ngày 8/3/1990 của Tổng Cục Dầu khí (nay là Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam), Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí đã được thành lập để đáp ứng nhu cầu cấp bách sản xuất hoá phẩm dung dịch khoan và từng bước vươn lên trở thành nhà thầu phụ dung dịch khoan ở Việt Nam, khu vực Đông Nam Á và thế giới.
- Sản phẩm của Công ty bao gồm nhiều loại vật tư hoá phẩm được sản xuất từ nguyên liệu sẵn có trong nước và các dịch vụ kỹ thuật công nghệ do lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật của Công ty nghiên cứu và triển khai áp dụng. Các sản phẩm truyền thống của Công ty như Barite API DAK, Bentonite API DAK, Ximăng giếng khoan G DAK, Calcium Carbonate DAK mang thương hiệu DMC có mặt tại 12 nước khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Úc, Newzealand, Malayxia, Indonesia, Singapore, Philippine, Brunei, Nga, Nhật, Hàn Quốc,Thái Lan, Băngladesh...) Trung Đông và Trung Mỹ.
- Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, tạo thế chủ động cho doanh nghiệp về vốn, nguồn nhân

lực và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí đã chuyển sang mô hình hoạt động Công ty cổ phần theo quyết định số 1544/QĐ-TCCB ngày 28/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và đổi tên thành Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103009579 cấp ngày 18/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 26/10/2007 của Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.Hà Nội.

Một số mốc chính đánh dấu quá trình phát triển của Công ty:

- Ngày 8/3/1990 thành lập Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí; thành lập Chi nhánh Công ty tại Vũng Tàu;
- Tháng 12/1990, thành lập Xí nghiệp Hoá Phẩm Dầu khí Yên Viên;
- Ngày 12/8/1991 thành lập Công ty ADF - Việt Nam (nay là Công ty Liên doanh M-I Viet Nam), là liên doanh giữa Công ty Dung dịch khoan và Hoá Phẩm Dầu khí với Công ty Anchor Drilling Fluids A/S Na Uy (năm 1996 ADF A/S Na Uy đã chuyển 50% vốn sở hữu trong ADF- Việt Nam cho M-I Hoa Kỳ);
- Tháng 6/1999, thành lập Xí nghiệp Hoá Phẩm Dầu khí Quảng Ngãi;
- Năm 2000, thành lập Xí nghiệp Vật Liệu cách nhiệt- DMC tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Vũng Tàu;
- Ngày 28/4/2005, Công ty Dung dịch khoan và Hoá Phẩm Dầu khí chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1544/QĐ-TCCB của Bộ Công Nghiệp;
- Ngày 18/10/2005, Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá Phẩm Dầu khí chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103009579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/10/2005. Giấy chứng nhận ĐKKD này được Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 vào ngày 26/10/2007;
- Tháng 6/2007, thành lập Công ty cổ phần CNG Việt Nam với các đối tác:
  - Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí : 51% vốn điều lệ.
  - Công ty IEV Energy SDN.BHD: 42% vốn điều lệ.
  - Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ cấu tổ chức Công ty hiện nay bao gồm Trụ sở chính tại Hà Nội, 01 Văn phòng đại diện, 05 Chi nhánh, 01 Công ty con và 01 Liên doanh hoạt động trên khắp ba miền Bắc - Trung - Nam nhằm phát huy thế mạnh của từng địa phương và mở rộng thị trường tiêu thụ, cụ thể là:

2.1. Trụ sở Công ty

- Địa chỉ: 97 Láng Hạ - Quận Đống Đa - Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 8 56.28.61 – 5.14.03.50 Fax: (84.4) 8.56.25.52.
- Website: www. drillingmud.com.vn Email: dmc@pvdmc.com.vn

2.2. Các chi nhánh

a. Chi nhánh Hà Nội

- Địa chỉ: Số nhà 7, Lô 2, Tập thể Viện Y học Dân tộc, Đống Đa- Hà Nội
- Điện thoại 04.5.14.68.68 Fax: 04.5.11.56.34

b. Chi nhánh Yên Viên

- Địa chỉ: Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.8.27.14.83. Fax: 04.87.80.902.

c. Chi nhánh Quảng Ngãi

- Địa chỉ: Số 13 phố Nguyễn Công Phương, Quảng Ngãi.
- Điện thoại: 055.82.38.19. Fax: 055.82.89.90

d. Chi nhánh Vũng Tàu

- Trụ sở: Lê Lợi, thành phố Vũng Tàu.
- Điện thoại: 064.83.20.36. Fax: 064.83.20.84.

e. Chi nhánh Phú Mỹ

- Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Điện thoại: 064. 89.46.30. Fax: 064.89.46.31.

2.3. Văn phòng Đại diện

- Địa chỉ: Trụ sở: 332-G1 Khách sạn Thanh Đa, Q.Bình Thạch, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 08.55.66.078. Fax: 08.55.65.069.

2.4. Công ty con Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí nắm giữ tỷ lệ cổ phần chi phối

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam.
- Tên tiếng Anh: CNG Vietnam Joint Stock Company (CNG Vietnam).
- Trụ sở: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.
- Điện thoại: 064.57.46.35 Fax: 064.57.46.19

2.5. Công ty liên doanh với Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và hoá phẩm Dầu khí

- Tên Công ty: Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam.
- Tên giao dịch: Công ty M-I Việt Nam.
- Trụ sở: 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Điện thoại: 84.64.83.26.70. Fax: 84.64.83.98.55.

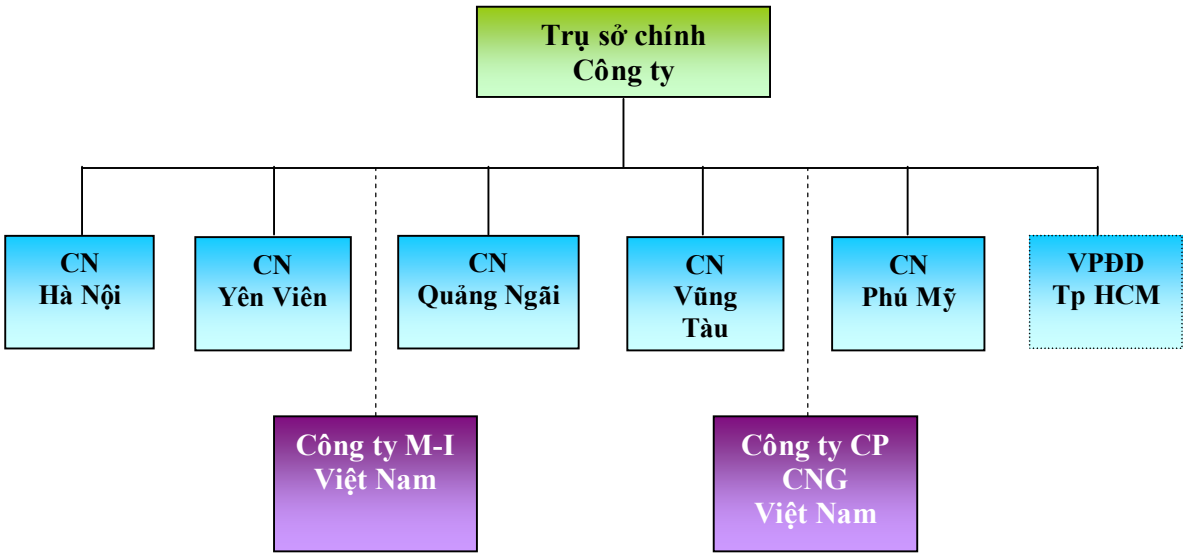

Hình 1: *Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty*

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

a. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

b. Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Là cơ quan quản lý Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 05 (năm) thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có quyền và nghĩa vụ giám sát hoạt động của TGĐ và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

c. Ban Kiểm Soát

Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 03 (ba) thành viên, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám Đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Tổng Giám Đốc.

d. Tổng Giám đốc (TGĐ)

TGĐ là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất-kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện

các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó TGĐ giúp việc TGĐ và chịu trách nhiệm trước TGĐ về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được TGĐ uỷ quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

e. Các Phòng nghiệp vụ

*1. **Phòng Tổ chức – Đào tạo:*** có chức năng tham mưu cho TGĐ tổ chức, thực hiện các chủ trương chế độ chính sách của Nhà nước, của Tập đoàn Dầu khí và của Công ty về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương; thực hiện các công tác về đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật; hướng dẫn đôn đốc kiểm tra công tác an ninh, thanh tra bảo vệ....

*2. **Phòng Kế hoạch - Đầu tư:*** có chức năng tham mưu cho TGĐ Công ty định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch của Công ty trong từng thời kỳ, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; tổng hợp tình hình đánh giá và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên mọi lĩnh vực.

*3. **Phòng Tài chính - Kế toán**:* có chức năng tham mưu giúp TGĐ Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tài chính, công tác kế toán trên phạm vi toàn Công ty.

*4. **Phòng Hành chính - Tổng hợp***: có chức năng tổ chức công tác hành chính tổng hợp, đối ngoại, văn thư lưu trữ, hành chính quản trị, công tác bảo vệ tài sản, trật tự an ninh trong Công ty.

*5. **Phòng Thương mại - Hợp đồng:*** có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước TGĐ Công ty trong mọi lĩnh vực công tác chuyên môn của phòng: Kinh doanh sản phẩm Barite, Xuất nhập khẩu và kinh doanh các vật tư, hoá chất, thiết bị theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty; công tác vận tải, giao nhận hàng hoá, thực hiện công tác pháp chế đối với các hợp đồng kinh tế của Công ty.

*6. **Phòng Kỹ thuật sản xuất - An toàn - Chất lượng:*** có chức năng tham mưu cho TGĐ Cômg ty về công tác quản lý công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, an toàn và bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường đạt hiệu quả cao và đúng quy định của pháp luật, công tác quản lý hệ thống chất lượng Công ty theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000.

*7. **Phòng Dịch vụ - kỹ thuật:*** có chức năng tham mưu giúp TGĐ Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác triển khai các dịch vụ kỹ thuật dung dịch khoan dầu khí; nghiên cứu triển khai ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới; thực hiện theo dõi quản lý chất lượng sản phẩm; thực hiện quy định quy chuẩn theo ISO-9001:2000.

8. Phòng Chiến lược & Phát triển kinh doanh: có chức năng tham mưu, giúp việc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc trong việc xây dựng chiến lược, đề xuất các giải pháp thực hiện chiến lược và các giải pháp phát triển kinh doanh của công ty.

*9. **Ban Phát triển sản phẩm và dịch vụ mới:*** có chức năng nghiên cứu, phát triển ứng dụng các sản phẩm truyền thống, sản phẩm thay thế và sản phẩm mới, phối hợp và hợp tác với các đơn vị trong và ngoài công ty nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong, ngoài nước cho dung dịch khoan, khai thác, lọc hoá dầu và các ngành công nghiệp khác

f. Các đơn vị trực thuộc

1. Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.
2. Chi nhánh Công ty tại Quảng Ngãi.
3. Chi nhánh Công ty tại Yên Viên.
4. Chi nhánh Công ty tại Vũng Tàu.
5. Chi nhánh Công ty tại Phú Mỹ.

g. Công ty mà Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí nắm giữ tỷ lệ cổ phần chi phối

Công ty cổ phần CNG Việt Nam có vốn điều lệ là 19.200.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp như sau:

- Công ty Cổ phần dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí: 51% vốn điều lệ
- Công ty IEV Energy SDN.BHD: 42% vốn điều lệ
- Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/5/2007.

h. Công ty mà Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khi góp vốn liên doanh

Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam là doanh nghiệp liên doanh giữa Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí với Công ty M-I Drilling Fluids L.L.C (Mỹ). Vốn đầu tư đăng ký của Liên doanh M-I Việt Nam là 939,106.00 USD (*Chín trăm ba mươi chín nghìn một trăm lẻ sáu Đô la Mỹ*). Công ty hoạt động theo Giấy phép Đầu tư số 224/GPĐC 4 ngày 29/6/2006 do Bộ Kế hoạch Đầu tư cấp.

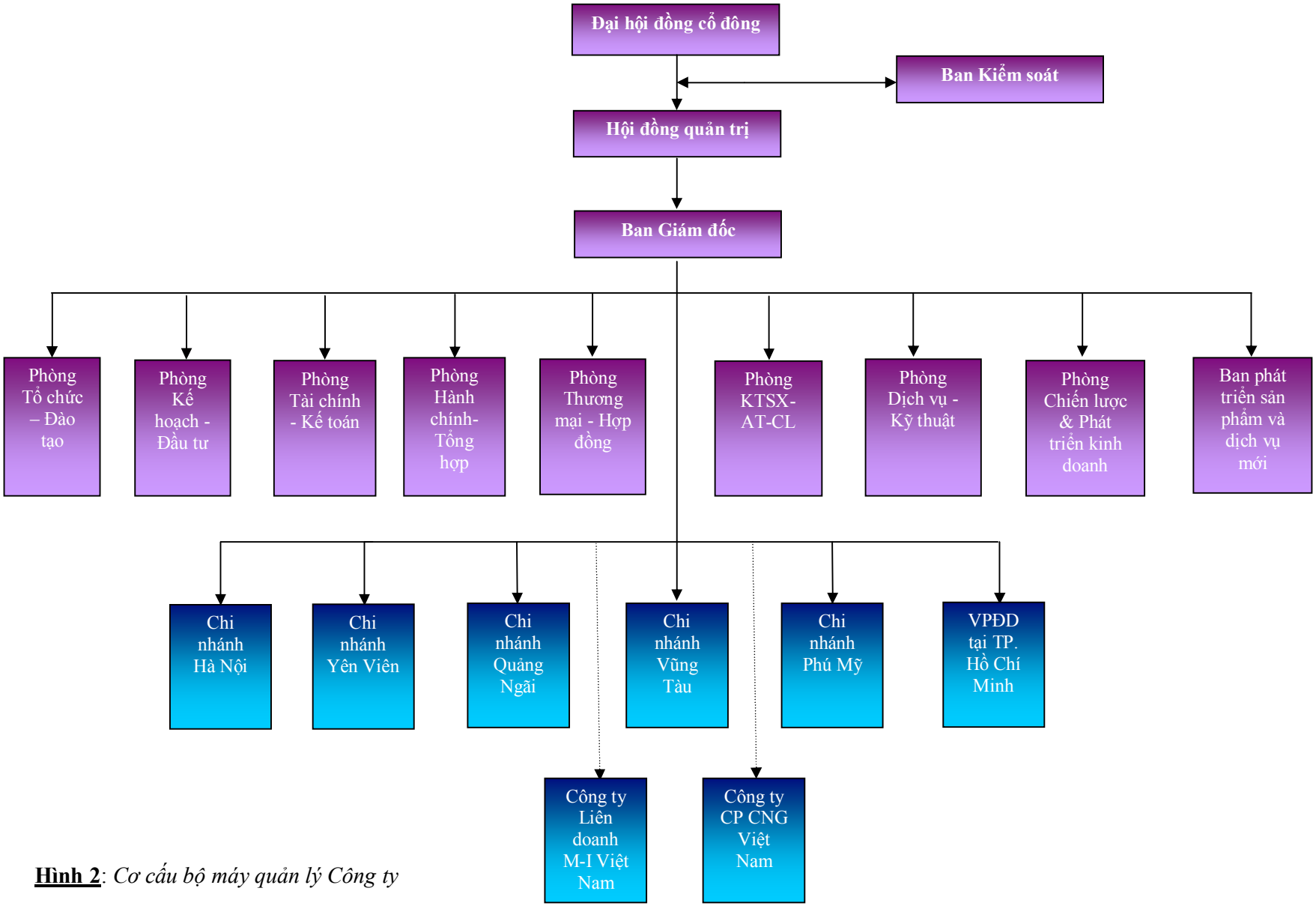

Hình 2: *Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty*

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.

4.1. Cơ cấu vốn cổ phần.

Bảng 1: *Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 3/10/2007*

TT	Danh mục	Số lượng CP sở hữu	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
I	**Cổ đông sáng lập**	**9.899.700**	**82.5**	**2**		
1.1	**Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam)**	**8.909.730**	**74,25**	**1**	**1**	
1.2	**Công ty CP Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFC Co)**	**989.970**	**8,25**	**1**	**1**	
II	**Cổ đông trong công ty**	**585.140**	**4,88**	**343**		343
2.1	- Hội đồng quản trị	17.100	0,143	3		3
2.2	- Ban Tổng Giám đốc	4.900	0,041	1		1
2.3	- Ban kiểm soát	1.400	0,012	2		2
2.4	- Kế toán trưởng	4.100	0,034	1		1
2.5	- CBCNV	557.640	4,647	366		336
III	**Cổ đông ngoài Công ty**	**1.515.160**	**12,62**	**222**	**1**	**221**
3.1	- Trong nước	1.505.160	12,54	219	1	218
3.2	- Nước ngoài	10.000	0,08	3	0	3
	Tổng	**12.000.000**	**100**	**567**	**3**	**610**

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.

Bảng 2: ***Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103009579 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 vào ngày 26/10/2007***

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	PetroVietnam	22 Ngô Quyền, Hà Nội	8.909.730	74.25
2	Công ty CP Phân đạm và Hoá chất Dầu khí (PVFC Co.)	Tòa nhà Waseco, số 10 Phổ Quang, Q.Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	989.970	8.25
Tổng cộng			**9.899.700**	**82.5%**

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập.

Bảng 3: ***Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103009579 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 vào ngày 26/10/2007***

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	PetroVietnam	22 Ngô Quyền, Hà Nội	8.909.730	74.25
2	Công ty CP Phân đạm và Hoá chất Dầu khí (PVFC Co.)	Tòa nhà Waseco, số 10 Phổ Quang, Q.Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	989.970	8.25
Tổng cộng			**9.899.700**	**82.5**

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.

5.1. Công ty mẹ

- Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam): PetroVietnam hiện nắm giữ 8.909.730 cổ phần, chiếm 74.25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí.

5.2. Công ty liên doanh

- Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam: là doanh nghiệp liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập vào năm 1991 bởi Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí và Công ty An chor Drilling Fluids A/S Na Uy (theo Giấy phép đầu tư số 224/GP do UBNN về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 12/8/1991). Đến năm 1996, Anchor Drilling Fluids A/S Na Uy đã chuyển nhượng quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho Công ty M-I Drilling Fluids L.L.C (Mỹ).

Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam được thành lập với mục tiêu sản xuất, kinh doanh dung dịch khoan dầu khí và các dịch vụ kỹ thuật liên quan, có vốn đăng ký đầu tư là 939.106 USD, vốn pháp định của Công ty là 939.106 USD, trong đó, Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí góp 469.553 USD, chiếm 50% vốn pháp định bằng giá trị trụ sở làm việc, kho tàng, phòng thí nghiệm, sản phẩm quặng Barite và bằng tiền mặt. Phía nước ngoài cũng góp 469.553 USD, chiếm 50% vốn pháp định bằng giá trị thiết bị, hệ thống Silo, phương tiện vận chuyển, thiết bị văn phòng, chi phí đào tạo và bằng tiền.

Thời hạn hoạt động của Công ty liên doanh là 20 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư. Năm 2006, tổng doanh thu của Công ty Liên doanh M-I Việt Nam đạt 41,03 triệu USD, lợi nhuận sau thuế đạt 7,08 triệu USD, lãi liên doanh chia cho Công ty Cổ phần

Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí là 2,5 triệu USD. Tính đến ngày 31/12/2006, giá trị vốn góp của Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí vào Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam là 9.160.979.030 đồng (tương đương tỷ lệ vốn góp 50%) (*Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh M-I Việt Nam do Công ty A&C kiểm toán*). Đây là Công ty liên doanh hoạt động ổn định và hiệu quả nhất của ngành Dầu khí trong suốt 16 năm qua.

5.3. Công ty con

- ***Công ty cổ phần CNG Việt Nam***: là công ty được thành lập theo hình thức góp vốn cổ phần giữa Công ty Cổ phần dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí và 02 đối tác khác là Công ty IEV Energy ADN.BHD (Malaysia), Công ty TNHH Sơn Anh với tổng vốn góp 19.200.000.000 đồng, tương đương 1.200.000 USD, trong đó tỷ lệ vốn góp của các bên như sau:
  - Công ty Cổ phần dung dịch khoan và Hóa phẩmDầu khí :51% vốn điều lệ
  - Công ty IEV Energy SDN.BHD: 42% vốn điều lệ
  - Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ

  Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tầu cấp ngày 28/5/2007, theo đó ngành nghề kinh doanh chính của công ty là chiết nạp khí thiên nhiên (CNG) với quy mô từ 30.000.000 m^3/năm để cung cấp CNG cho các hộ công nghiệp. Công ty cổ phần CNG Việt Nam sẽ là có trách nhiệm vận hành và quản lý dự án CNG. Địa điểm xây dựng dự án tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Bà Rịa –Vũng Tàu với tổng diện tích đất sử dụng dự kiến là 3.220 m^2. Để thực hiện dự án, các thiết bị của dự án sẽ được nhập khẩu từ nước ngoài, bao gồm: 01 trạm CNG mẹ; phương tiện vận chuyển chuyên dùng: 05 chiếc; trạm con: 01 chiếc. Đây là công trình thuộc nhóm B theo phân loại cấp công trình của Nhà nước. Thời hạn hoạt động của dự án là 20 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đầu tư. Một số ưu đãi về chính sách đối với Công ty cổ phần CNG Việt Nam như sau:
  - Về thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm:
    - Thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo.
    - Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.
  - Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH ngày 14/06/2005 và Điều 16 Nghị định sô 149/2005/NĐ-CP ngày 8/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.Trường hợp nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

  Một số thông số chính của dự án CNG Việt Nam như sau:

- Tổng mức đầu tư dự án là 5.253.616 USD, trong đó vốn chủ sở hữu là 1.200.000. USD, vốn tín dụng là 4.053.616. USD
- Một số chỉ tiêu tài chính dự án sau 10 năm hoạt động:
  - NPV ≈ 10 triệu USD
  - IRR ≈ 40 %
  - Thời gian thu hồi vốn ≈ 3 năm

6. Hoạt động kinh doanh.

6.1. Sản phẩm dịch vụ của Công ty.

Sản phẩm của Công ty bao gồm 3 dòng sản phẩm chính như sau:

6.1.1. Sản phẩm chính do Công ty sản xuất từ nguồn nguyên liệu trong nước

a. ***Barite API***: gồm các sản phẩm là Barite API DAK nội địa và Barite API DAK xuất khẩu.

- *Barite API DAK nội địa:* là chất bột mịn màu be**,** được sử dụng để làm tăng tỷ trọng của dung dịch khoan lên tới 2,5 g/cm^3 nhằm kiểm soát áp suất vỉa và ổn định giếng khoan. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn API- tiêu chuẩn của Viện Dầu mỏ Mỹ.

- *Barite API DAK xuất khẩu:* là chất bột mịn màu be, có nguồn gốc từ quặng Barite (BaSO4) sạch và tỷ trọng cao, được sử dụng như một chất làm tăng tỷ trọng cho tất cả các hệ dung dịch khoan. Barite-API DAK có thể làm tăng tỷ trọng của dung dịch khoan lên tới 2,5 g/cm3 để kiểm soát áp suất vỉa và ổn định giếng khoan. Tuỳ thuộc yêu cầu cụ thể của từng giếng khoan, người ta tính toán lượng Barite cần thiết đưa vào dung dịch khoan cho phù hợp. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn API-tiêu chuẩn của Viện Dầu mỏ Mỹ.

b. ***Ben Dak*****:** là chất kết dính cho thức ăn chăn nuôi.

c. ***Bentonite*****:** gồm 2 dòng sản phẩm là Bentonite API DAK Khoan dầu khí và Bentonite API DAK khoan cọc nhồi:

- *Bentonite API DAK Khoan dầu khí* : là khoáng sét hoạt hoá dạng bột mịn, màu vàng nhạt đến đậm hoặc xám được sản xuất dựa theo tiêu chuẩn API SPEC 13A và TC 01: 2001/DMC, được sử dụng trong công nghệ khoan dầu khí.

- *Bentonite API DAK khoan cọc nhồi*: là khoáng sét được hoạt hoá dưới dạng chất bột mịn, màu vàng, được dùng trong công nghệ khoan cọc nhồi, phục vụ các công trình xây dựng, khuôn đúc.

d. ***Xi măng giếng khoan:*** gồm 2 dòng sản phẩm Xi măng giếng khoan nóng DAK và Xi măng giếng khoan-G DAK.

- *Xi măng giếng khoan nóng DAK:* là loại xi măng đặc chủng được sản xuất theo TC 05:2003/ DMC, có đặc tính kỹ thuật đạt GOST 1581-96 và tiêu chuẩn Liên doanh Dầu khí Việt Xô, là loại xi măng bền sunphát thường nên được sử dụng trong các công trình xây dựng biển, công trình chịu xâm thực của nước có chứa nhiều $SO4^{2-}$,

trám các khoảng không gian vành xuyến, đổ cầu xi măng trong các giếng khoan dầu khí.

- *Xi măng giếng khoan-G DAK:* là loại xi măng đặc chủng, có thành phần hoá học, khoáng vật và các tính chất vật lý đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn API hiện hành .Xi măng giếng khoan-G DAK được sử dụng để trám khoảng không gian vành xuyến (giữa thành giếng và ống chống, giữa các cột ống chống), đổ cầu xi măng trong các giếng khoan dầu khí. Xi măng giếng khoan-G DAK (như xi măng bền sun phát cao) còn có thể được sử dụng trong xây dựng các công trình biển, công trình chịu xâm thực của nước chứa nhiều ion sun phát ($SO4^{-2}$).

e. ***Super lub*:** Là chất bôi trơn có chất lượng cao, dùng cho hệ dung dịch khoan gốc nước.

6.1.2 Sản phẩm chính do Công ty kinh doanh: Bao gồm các sản phẩm như CMC-EHV, CMC-LV, Đá vôi trắng, KCl, $CaCl_2$, Kaolin và các hoá chất phục vụ khoan khai thác dầu khí, đạm…

6.1.3. Các dịch vụ khoa học kỹ thuật*:* Bao gồm các dịch vụ kỹ thuật dung dịch khoan và các dịch vụ khoa học kỹ thuật (dịch vụ nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ...) liên quan tới việc khai thác, thăm dò và tăng cường thu hồi dầu; cung cấp chuyên gia dung dịch khoan cho các giàn khoan, giám sát khoan cho các công trình xây dựng, khoan nước ngầm, địa chất công trình,….

Một số hình ảnh về hoạt động sản xuất kinh doanh
Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí

SP Bentonite API

SP DMC Biosafe

SP Ximăng G

SP Barite trước khi đưa ra dàn khoan

Đa dạng hóa sản phẩm

Xuất khẩu Barite API

Kho chứa sản phẩm CN Yên Viên

Xuất khẩu sản phẩm

Hệ thống Silo cung cấp Barite và Bentonite

6.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận các năm 2005, 2006.

Bảng 4: *Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Chỉ tiêu	2005				2006		6 tháng đầu năm 2007 (**)	
	Từ 01/01 đến 17/10/2005		Từ 18/10 đến 31/12/2005 (*)					
	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)
SP do Công ty SX (1)	65.287	50,98	22.457	69,61	98.356	56,30	49.358	43,44
SP do Công ty KD (2)	61.311	47,87	8.986	27,85	73.404	42,01	60.194	52,98
Các dịch vụ KHKT (3)	1.467	1,15	820	2,54	2.951	1,69	4.071	3,58
Doanh thu thuần (1+2+3)	**128.065**	**100**	**32.263**	**100**	**174.711**	**100**	**113.623**	**100**

Ghi chú: *Số liệu các năm 2005 và 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO*

(*) Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 18/10/2005

(**) Số liệu cho Công ty lập và cung cấp

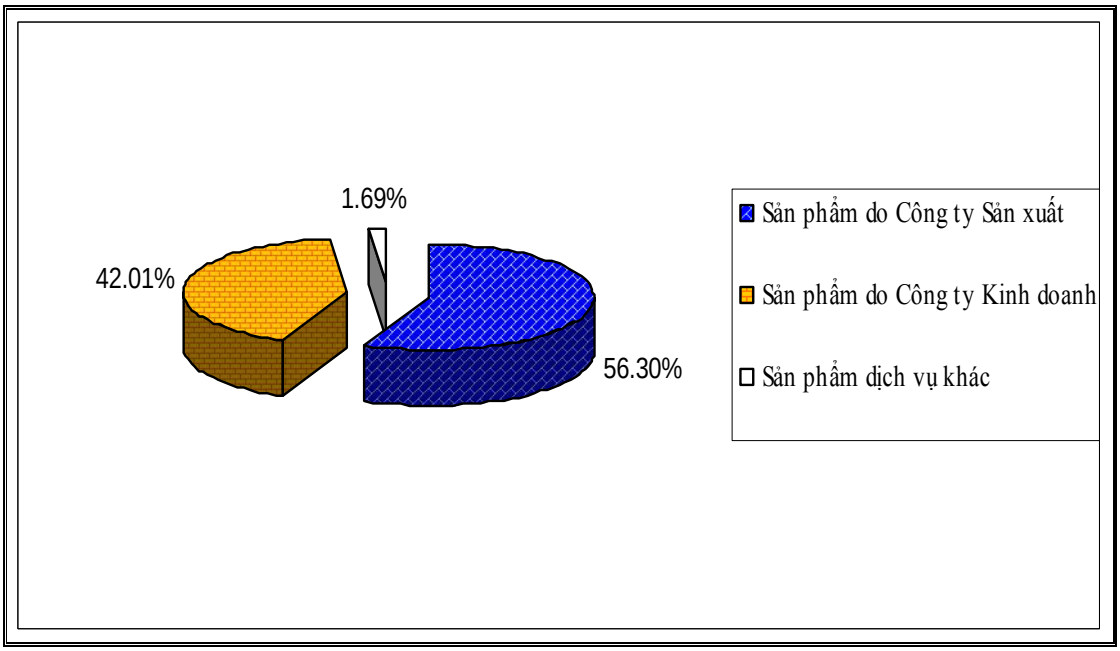

Hình 3: *Cơ cấu doanh thu thuần 2006*

Bảng 5: *Cơ cấu lợi nhuận gộp*

Chỉ tiêu	2005				2006		Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 (**)	
	Từ 01/01 đến 17/10/2005		Từ 18/10 đến 31/12/2005 (*)					
	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)
SP do Công ty SX (1)	20.058	65,21	6.773	80,70	24.133	55,94	24.825	84,14
SP do Công ty KD (2)	10.215	33,21	1.205	14,36	17.517	40,60	3.258	11,04
Các dịch vụ KHKT (3)	486	1.58	415	4,94	1.494	3,46	1.420	4,82
Lợi nhuận gộp (1+2+3)	**30.759**	**100**	**8.393**	**100**	**43.144**	**100**	**29.503**	**100**

Ghi chú: *Số liệu các năm 2005 và 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO*

(*) : Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 18/10/2005

(**) Số liệu cho Công ty lập và cung cấp

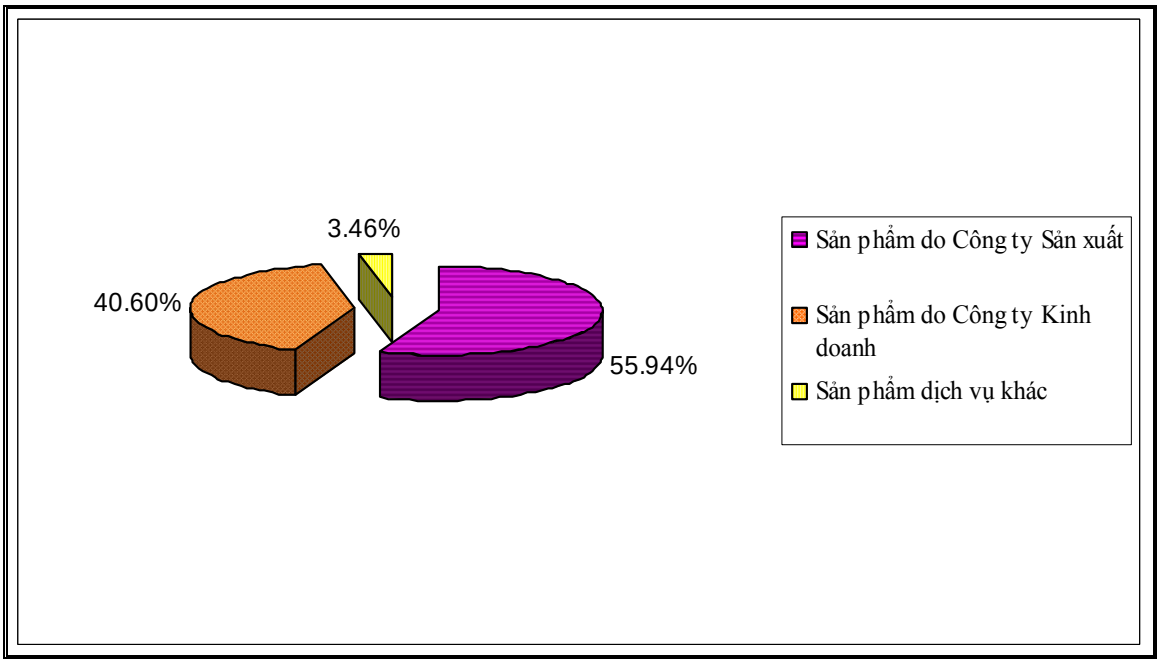

Hình 4: *Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2006*

6.3. Chi phí.

Chi phí sản xuất kinh doanh trong các năm gần nhất được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6: *Cơ cấu chi phí kinh doanh*

Chi phí	ĐVT	2005		2006	Từ 1/1/2007 đến 30/06/2007 (**)
		Từ 1/1/2005 đến 17/10/2005	Từ 18/10/2005 đến 31/12/2005 (*)		
Giá vốn hàng bán	tr.đ	97.306	23.871	131.567	78.977
- Tỷ trọng % so với doanh thu thuần	%	75.98	73.99	75.31	69.51
Chi phí bán hàng	tr.đ	19.349	4.052	30.665	22.925
- Tỷ trọng % so với doanh thu thuần	%	15.11	12.56	17.55	20.18
Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr.đ	10,477	3,167	13,104	7.526
- Tỷ trọng % so với doanh thu thuần	%	8.18	9.81	7.50	6.62
Chi phí tài chính	tr.đ	15,551	2,985	10,055	10.557
- Tỷ trọng % so với doanh thu tài chính	%	22.18	25.06	24.06	22.75

Ghi chú: *(*) : Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 18/10/2005.*

Số liệu các năm 2005 và 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO.

(**): Số liệu do Công ty cung cấp.

6.4. Nguồn nguyên vật liệu.

Hiện tại, nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty như quặng Barite, set Betonite... chủ yếu được cung cấp tại các tỉnh phía Bắc như Tuyên Quang, Thái Nguyên... Công ty đã thiết lập được quan hệ hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào, việc cung cấp nguyên liệu sản xuất cho công ty trong thời gian qua đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, do chưa có chủ quyền về mỏ riêng để khai thác cũng gây cho công ty không ít khó khăn trong việc chủ động và điều tiết nguồn nguyên liệu đầu vào. Có thời điểm công ty buộc phải dự trữ khối lượng lớn nguồn nguyên liệu dẫn đến đọng vốn và vòng quay vốn lưu động thấp. Do vậy, việc ổn định các nguồn nguyên liệu đầu vào được Ban lãnh đạo Công ty đặt lên nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

Trong năm 2006, với sự ủng hộ và giúp đỡ hiệu quả của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty đã từng bước tạo dựng được cơ sở và sự chuẩn bị quan trọng để tiến hành tìm kiếm nguồn nguyên liệu trong nước và cả ở nước ngoài. Cụ thể, Công ty đang triển khai tích cực công tác tìm kiếm, thăm dò và khảo sát mỏ tại nhiều địa phương trong nước như Tuyên Quang, Bắc Thái, Phú Thọ, Nghệ An, Bình Thuận, Lâm Đồng và đã sang Lào để xem xét, khảo sát và thiết lập mối quan hệ hợp tác với nước bạn. Tính tới thời điểm hiện tại, Công ty chuẩn bị hoàn thiện thủ tục xin cấp và khai thác mỏ Barite Khe Mong (Bắc Thái); mỏ Bentonite Tam Bố II (Lâm Đồng). Công ty đã ký hợp đồng hợp tác dài hạn về khai thác và tiêu thụ nguồn quặng Barite từ mỏ Rú Quánh (Nghệ An) ...

6.5. Trình độ công nghệ

Sau 17 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các vật tư hoá phẩm dầu khí và cung cấp các dịch vụ dung dịch khoan và các dịch vụ kỹ thuật dầu khí liên quan, Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí đã trở thành công ty hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực này với các thành tựu sau:

- Công nghệ sản xuất các loại hoá phẩm phục vụ chủ yếu trong lĩnh vực khoan thăm dò, khai thác dầu khí và các ngành kinh tế khác như Barite API, Bentonite API, Bentonite Khoan Cọc nhồi, Xi măng Giếng khoan (XM-G), dầu bôi trơn, chất diệt khuẩn, Silica Flour... do Công ty nghiên cứu và sáng chế đạt tiêu chuẩn sản phẩm quốc tế API (tiêu chuẩn Viện Dầu lửa Mỹ) và tiêu chuẩn Phillips. Hàng năm, hàng trăm nghìn tấn sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế API do DMC sản xuất trên hệ thống dây chuyền công nghệ nghiền con lắc li tâm kiểu Raymond (công nghệ Mỹ) và công nghệ máy nghiền bi đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thị trường trong nước và xuất khẩu đến 14 nước trên thế giới

- Kế thừa và phát triển thành quả của Công ty liên doanh MI- Việt Nam hoạt động rất thành công về lĩnh vực dịch vụ dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí, công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí đang phát huy lợi thế này để đẩy mạnh công nghệ sản xuất và cung cấp các hệ dung dịch khoan đạt chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của các nhà thầu khoan thăm dò và khai thác dầu khí ở Việt Nam và nước ngoài tạo cho Công ty có khả năng cạnh tranh trong thị trường rộng lớn và đầy tiềm năng phát triển. Công ty phấn đấu đến năm 2010 sẽ trở thành nhà thầu phụ trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí cho các dự án thăm dò và khai thác dầu khí.

- Thực hiện các công trình nghiên cứu hoàn chỉnh công nghệ phức hợp vi sinh hoá lý, công nghệ nghiên cứu tăng cường thu hồi dầu áp dụng trong công nghệ hoàn thiện giếng và khai thác dầu khí.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển.

Trong các năm qua, Công ty đã luôn chú trọng đến công tác đầu tư, nghiên cứu và phát triển sản phẩm và dịch vụ mới để đa dạng hoá và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm. Công ty đã và đang tiến hành nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới như sau:

- Nghiên cứu chế tạo và sản xuất các hoá phẩm, phụ gia như Polysal; Safe Carb, Biosafe, Lubricant, CaCO3 Flake, Xi măng trám giếng khoan Class G, Xi măng nóng trám giếng khoan theo tiêu chuẩn GOST… từ nguồn nguyên liệu trong nước thay thế cho các sản phẩm tương tự nhập ngoại.

- Nghiên cứu, phát triển ứng dụng sản phẩm Bentonite kết viên quặng sắt và khảo sát, đánh giá chất lượng các nguồn nguyên liệu Dolomit, $CaCo_3$ Silica, Fluorite và các hoá chất vật tư để cung cấp cho Nhà máy luyện thép Tycoon.

- Nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ Phức hợp vi sinh hóa lý và Phức hợp vi sinh hoá lý + Polymer trong tăng cường khả năng thu hồi dầu tại các giếng khoan ngập nước.

- Nghiên cứu khả năng sản xuất và kinh doanh nhiên liệu Etanol.

- Nghiên cứu và áp dụng thành công các hệ dung dịch khoan có hàm lượng pha sét thấp áp dụng trong các giếng khoan ngang của Xí nghiệp Dầu khí liên doanh VietsovPetro.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Với mục tiêu giữ vững, khẳng định và phát triển thương hiệu DMC trên thị trường trong nước và quốc tế, Công ty cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ ổn định, đạt và thoả mãn các yêu cầu về chất lượng của khách hàng. Công ty thường xuyên duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả cao, giữ vững chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Việc kiểm tra chất lượng các quá trình từ nguyên liệu đầu vào, tạo sản phẩm, dịch vụ, lưu kho, bảo quản, bán hàng và dịch vụ sau bán hàng đều tuân thủ theo các quy trình nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ. Thường xuyên đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư cải tiến công nghệ, đổi mới máy móc thiết bị, trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng Thí nghiệm để đáp ứng mọi yêu cầu quốc tế về kiểm tra chất lượng sản phẩm và phân tích sản phẩm.

6.8. Hoạt động marketing.

Bên cạnh việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, giảm chi phí để tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm, dịch vụ của Công ty, hoạt động Marketing của Công ty còn bao gồm các hoạt động :

a. Hoạt động xây dựng thương hiệu :

- Xây dựng và tổ chức tốt trang web của Công ty.
- Tạo dựng ấn tượng tốt với khách hàng.
- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để quảng bá hình ảnh kinh doanh.
- Giao thiệp sâu rộng với cộng đồng và thường xuyên tổ chức gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với khách hàng cũng như đối tác.

b. Hoạt động quan hệ công chúng:

Công ty thực hiện các hoạt động quảng bá hình ảnh thương hiệu của mình thông qua các kênh như sau :

- Kết nối thương hiệu Petrovietnam;
- Qua các hội thảo, hội chợ triển lãm chuyên ngành;
- Qua các hoạt động văn hoá thể thao với các Công ty trong ngành, hiện Công ty đang quản lý hoạt động của đội bóng chuyền nam Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.

a. Khách hàng của Công ty:

Khách hàng trong nước:

- Liên doanh Dầu khí Vietsopetro;
- Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
- Công ty liên doanh M-I Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hoá Chất Dầu khí (PVFC Co);
- Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP);
- Các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các Tổng công ty khác ...

Khách hàng nước ngoài:

- Công ty M-I Swaco (Mỹ)
- MI- Singapore;
- MI- LLC (Mỹ);
- Sumitomo (Nhật Bản);
- Công ty dịch vụ Dầu khí BJ ….

b. Các hợp đồng lớn đang thực hiện/ đã được ký kết

Bảng 7: *Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết*

TT	Khách hàng	Nội dung HĐ	Thời hạn thực hiện hợp đồng	Giá trị
1	M-I Việt Nam	Cung cấp Hoá chất	Năm 2007-2008	40 tỷ VND
2	PIDC(*)	Cung cấp hoá chất cho 2 giếng khoan tại Thái Bình	Năm 2007-2009	2 triệu USD
3	Vietsovpetro	Cung cấp hoá chất	Năm 2007	25 tỷ VND
4	MI SWACO	Cung cấp Barite	Năm 2007	1,8 triệu USD
5	Sumitomo	Cung cấp đá vôi trắng	Năm 2007	6 tỷ VND
6	Công ty TNHH Tân Đạt	Cung cấp đạm	Năm 2007	25 tỷ VND
7	Công ty CP Hảo Mỳ	Cung cấp đạm	Năm 2007	35 tỷ VND

8	Cửu Long JOC	Cung cấp hoá chất	Năm 2007	1,5 triệu USD
9	Trường Sơn JOC	Cung cấp hoá chất	Năm 2007	1,2 triệu USD
10	Hoàn Vũ JOC – Hoàng Long JOC	Cung cấp hoá chất	Năm 2007	2,5 triệu USD

Ghi chú: *Nguồn Công ty DMC*

(*): nay là Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP)

Theo Nghị Quyết số 1371/NQ-DKVN ngày 09/04/2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về các giải pháp tăng tốc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí, Tập đoàn cho phép Công ty được tiếp tục cung cấp dịch vụ dung dịch khoan cho các giàn khoan trên đất liền do Tổng công ty Thăm dò và khai thác dầu khí (PVEP) thực hiện trong thời gian 03 năm tiếp theo. Ngoài ra, đối với liên doanh M-I Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí M-I SWACO, công ty và các đối tác cũng có cam kết lâu dài về việc tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tiêu thụ sản phẩm.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất.

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong các năm gần nhất.

Bảng 8: *Kết quả hoạt động kinh doanh*

TT	Chỉ tiêu	ĐV	2005		2006	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2007
			Từ 1/1 đến 17/10/2005	Từ 18/10 đến 31/12/2005 (*)		
1	Tổng giá trị tài sản	tr.đ	232.251	239.942	235.740	237.272
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	tr.đ	128.065	32.264	174.711	113.623
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	tr.đ	55.482	10.099	31.104	40.052
4	Lợi nhuận khác	tr.đ	(155)	74	(215)	-6
5	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	55.327	10.173	30.889	40.046
6	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	55.280	10.173 (**)	30.889 (***)	40.046
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	-	4	16	10

Ghi chú:

Số liệu các năm 2005, 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO. Số liệu 6 tháng đầu năm 2007 do Công ty lập và cung cấp (tỷ lệ trả cổ tức 6 tháng đầu năm dự kiến là 10%)

(*) : Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 18/10/2005.

(**): Tại thời điểm 31/12/2005, do chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần nên công ty được miễn Thuế TNDN. Do năm tài chính đầu tiên có thời gian dưới 6 tháng nên Công ty đã có công văn số 422 /DMC-TCKT ngày 08/05/ 2006 gửi Cục thuế Hà Nội về việc xin được nộp thuế TNDN của năm 2005 và thời hạn miễn thuế của Công ty là năm 2006 và 2007. Với sự chấp thuận của Cục thuế Hà Nội, ngày 30/06/2006, công ty đã tiến hành nộp thuế TNDN năm 2005. Báo cáo kiểm toán tại thời điểm 31/12/2005 chưa thể hiện khoản thuế TNDN năm 2005 công ty đã nộp do thời điểm kiểm toán diễn ra trước thời điểm Công ty đăng ký với cơ quan thuế.

(***): Năm 2006, Công ty được miễn thuế TNDN

a. Tình hình sản xuất kinh doanh

Năm 2006, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được những kết quả sau: Tổng khối lượng sản phẩm dịch vụ do công ty thực hiện là 148.814 tấn, tương đương với giá trị là 174.722.383.433 đồng, đạt 114% kế hoạch năm 2006. Về tổng quan, tổng sản lượng sản xuất cũng như giá trị thực hiện năm 2006 đã đạt kế hoạch năm đề ra, nhưng sản lượng sản suất một số sản phẩm như Bentonite và các sản phẩm khác chưa đạt theo kế hoạch. Nguyên nhân là do có sự khó khăn chưa chủ động về nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và ở thị trường tiêu thụ sản phẩm.

b. Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Năm 2006 với sự gia tăng của giá xăng dầu, điện... dẫn tới sự tăng giá của nguyên liệu, vật tư, đặc biệt là giá vận tải liên tục tăng đã đẩy giá thành sản phẩm lên cao, gây khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Tuy nhiên, do duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng truyền thống và tích cực công tác mở rộng thị trường nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt kết quả khả quan, cụ thể như sau:

**** Tiêu thụ trong nước***

Trong năm qua, tại thị trường nội địa, sản phẩm mang thương hiệu DMC đã đứng vững và đã mang lại cho Công ty nguồn lợi nhuận không nhỏ với giá trị sản lượng tiêu thụ nội địa là 103,614 tỷ đồng, chiếm 59,3% sản lượng tiêu thụ sản phẩm cả năm 2006, trong đó

- Barite: 19.412 tấn, tương đương 19.596 triệu đồng, đạt 194,12% kế hoạch năm 2006.
- Bentonite: 10.042 tấn, tương đương 20.477 triệu đồng, đạt 78,45% kế hoạch năm 2006.
- Các sản phẩm khác: 16.207 tấn, tương đương 63.541 triệu đồng đạt 114,86% kế hoạch năm 2006.

**** Tình hình xuất khẩu***

Năm 2006, dù gặp rất nhiều khó khăn do sự biến động về giá cả, chính sách xuất nhập khẩu của các khách hàng truyền thông, nhưng với nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ sau bán hàng nên tỷ trọng sản phẩm xuất khẩu đã đạt

được 69% tổng sản phẩm tiêu thụ của Công ty và chiếm 41,47% trong cơ cấu doanh thu

Tổng sản lượng xuất khẩu năm 2006 đạt 103.153 tấn, đạt 110% kế hoạch năm 2006 và tăng 29,13% so với thực hiện năm 2005; tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2006 đạt 4.450.826,93 USD, tương đương 71,097 tỷ đồng, tăng 24,39% so với năm 2005, trong đó

- Barite API: xuất khẩu 40.637 tấn, tương đương 66.943 triệu đồng, tăng 152,21% so với năm 2005
- Các sản phẩm khác: xuất khẩu 62.516 tấn, tương đương 4.154 triệu đồng, tăng 116,25% so với năm 2005.

Bảng 9: *Tình hình tiêu thụ sản phẩm năm 2006 và thực hiện 6 tháng đầu năm 2007*

Sản phẩm tiêu thụ	Năm 2006		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2007	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đ)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đ)
Tiêu thụ nội địa	**45.661**	**103.614**	**72.398**	**82.833**
Barite	19.412	19.596	15.420	11.832
Bentonite	10.042	20.477	4.389	8.337
Các SP khác	16.207	63.541	52.589	62.664
Xuất khẩu	**103.153**	**71.097**	**19.677**	**30.790**
Barite	40.637	66.943	13.037	28.604
Các sản phẩm khác	62.516	4.154	6.640	2.186
Tổng	**148.814**	**174.711**	**92.075**	**113.623**

Nguồn: DMC

c. Hoạt động đầu tư liên doanh liên kết

**** Hoạt động đầu tư***

Năm 2006, Công ty tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư của năm 2005 và triển khai việc chuẩn bị đầu tư các dự án sau:

- Chuẩn bị nhân sự, tài liệu kỹ thuật, máy móc thiết bị và nguồn vốn cho Hợp đồng cung cấp dịch vụ dung dịch khoan cho 02 giếng khoan ở Thái Bình cho PIDC với giá trị hợp đồng là 2 triệu USD.
- Đầu tư thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ sét Di Linh –Lâm Đồng.
- Tiến hành thủ tục đầu tư xây dựng kho chứa sản phẩm tại Chi nhánh Vũng Tàu 816 m2.

- Lập báo cáo khả thi dự án đầu tư mở rộng sản xuất Xi măng G 15.000 tấn/năm tại Chi nhánh Vũng Tàu .
- Đầu tư vào việc tìm kiếm thăm dò các nguồn quặng tại các tỉnh phía Bắc và nước bạn Lào.
- Mở rộng sản xuất keo dán gỗ UF DAK tại Quảng Ngãi.

Ngoài ra, Công ty còn tăng cường đầu tư các trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Văn Phòng Công ty, các Chi nhánh tạo môi trường làm việc thuận lợi.

Hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và hoá phẩm Dầu khí là một trong những đơn vị tiên phong trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài để tận dụng những kinh nghiệm, tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến từ phía đối tác. Từ năm 1991, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty liên doanh M-I Việt Nam với tỷ lệ vốn góp các bên là 50%-50%. Trong suốt 16 năm qua, công ty liên doanh M-I Việt Nam đã luôn là đối tác kiêm bạn hàng lớn của Công ty DMC và hoạt động rất hiệu quả, đóng góp một tỷ lệ quan trọng vào lợi nhuận của Công ty DMC.

Năm 2006, Công ty liên doanh M-I Việt Nam tiếp tục đạt được những thành công lớn trong hoạt động cung cấp hoá chất dung dịch khoan và dịch vụ kỹ thuật trên các giàn khoan dầu khí của các nhà thầu trong và ngoài nước đang khoan thăm dò và khai thác ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam. Với những thành tích này, Công ty M-I Việt Nam tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật dung dịch khoan ở Việt Nam và đạt được những thành tựu như sau:

Bảng 10: *Kết quả hoạt động kinh doanh 2005 – 2006*
của Công ty Liên doanh M-I Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2006	2005
1	Tổng Doanh thu	USD	41,032,311.78	34,193,557.31
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	USD	8,956,286.06	7,773,953.67
3	Lợi nhuận trước thuế	USD	9,076,478.75	7,863,766.65
4	Lợi nhuận sau thuế	USD	7,082,827.60	6,613,132.70
5	Lãi chia cho DMC	USD	2,500,000	5,242,269.52

Ghi chú: Báo cáo tài chính của Công ty liên doanh M-I Vietnam do Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán

Năm 2005, lãi liên doanh từ Công ty liên doanh M-I Việt Nam chia cho DMC là 5,242,269.52 USD, bao gồm:

- Giai đoạn 01/01/2005 đến 17/10/2005: lãi liên doanh chia cho DMC là 4.387.971,14 USD.

- Giai đoạn 18/10/2005 đến 31/12/2005: lãi liên doanh chia cho DMC là 854.298,38 USD.

Năm 2006, theo Nghị Quyết số BOD08/2006 của Hội đồng quản trị Công ty liên doanh M-I, lãi liên doanh mà DMC nhận được từ liên doanh này là 2.500.000 USD. Dự kiến con số này năm 2007 là 4.000.000 USD.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.

a. Thuận lợi:

Với kinh nghiệm trên 17 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các hoá phẩm dung dịch khoan dầu khí, các sản phẩm của Công ty, đặc biệt thương hiệu Barite API và Bentonite API, đã được khẳng định trên thị trường nội địa và quốc tế. Chất lượng sản phẩm ổn định, khả năng cung cấp kịp thời cũng như đảm bảo tốt các dịch vụ sau bán hàng đã đưa Công ty trở thành một đối tác đáng tin cậy với các bạn hàng. Về thị trường, Công ty đang chiếm lĩnh 95% thị phần lĩnh vực dung dịch khoan trong nước.

Là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty cũng có những lợi thế nhất định trên cơ sở sự ủng hộ của Tập đoàn. Công ty là nhà cung cấp duy nhất về các sản phẩm dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí cho các đơn vị thành khác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam như Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP, Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí (PTSC), Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Dầu khí (PVFC Co), Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro... Ngoài ra, Công ty còn quan hệ hợp tác với khách hàng chiến lược là Tập đoàn Dầu khí M- I SWACO (Mỹ) đứng đầu thế giới về lĩnh vực dịch vụ dung dịch khoan.

b. Khó khăn:

Yếu tố khách quan

- Trong năm 2005-2006, tình hình thị trường nhiên liệu như giá xăng dầu, điện đều tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất, chi phí vận chuyển sản phẩm của Công ty ngày càng tăng trong khi giá bán chưa thể điều chỉnh tăng tương ứng. Do vậy, yếu tố này cũng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các chính sách của địa phương cung cấp nguồn nguyên liệu sản xuất cho Công ty liên quan đến vấn đề khai thác khoáng sản, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.... thường có sự thay đổi, điều này ảnh hưởng đến công ty trong việc chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Yếu tố chủ quan

- Những năm đầu tiên chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, việc thay đổi cơ bản mô hình quản lý cũng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
- Công tác quảng cáo, tiếp thị chưa được quan tâm đúng mức, chưa chủ động quảng bá rộng rãi sản phẩm của Công ty.

- Hoạt động của các đơn vị trực thuộc chưa phát huy được tiềm năng hiện có, còn phụ thuộc vào Công ty.

7.3. Một số ý kiến của Đơn vị Kiểm toán trong Báo cáo Tài chính 2006

Theo ý kiến của Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO), sau khi tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2006 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, có một số các vấn đề sau:

a. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự án Công trình nhà máy sợi Bazan vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chính thức. Công ty đã ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình là 23,9 tỷ đồng trong năm 2005. Một phần chi phí đầu tư xây dựng dở dang trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2006 với giá trị là 4,2 tỷ đồng. Đơn vị kiểm toán không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhằm đưa ra ý kiến về giá trị công trình này và ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính.

Về vấn đề này Công ty có ý kiến như sau:

- Dự án Bazan siêu mảnh là dự án đã được Chính phủ và Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam) phê duyệt cho phép thực hiện nhằm sản xuất ra vật liệu cách nhiệt, cách âm phục vụ cho công nghiệp dầu khí và các ngành công nghiệp khác. Đây là dự án sản xuất ra sản phẩm mới, lần đầu tiên thực hiện ở Việt Nam. Tuy nhiên, do dự án thi công bị ảnh hưởng của sự không đồng bộ về cơ sở hạ tầng, đặc biệt hệ thống khí đốt và những khó khăn từ phía đối tác Ucraina nên dự án bị kéo dài. Ngoài ra, công nghệ sản xuất vật liệu cách nhiệt, cách âm của Ucraina đã bị lạc hậu, vì vậy, giá thành sản phẩm cao do chi phí năng lượng đầu vào là điện, khí ga tiêu thụ lớn, sản phẩm không có tính cạnh tranh trên thị trường so với các sản phẩm sợi bông thuỷ tinh của Trung Quốc. Do đó, để tránh thiệt hại về kinh tế, công ty đã thực hiện chuyển đổi trên cơ sở hệ thống đường ống khí đầu vào của dự án Bazan sang đầu tư vào dự án CNG theo hình thức thành lập công ty cổ phần CNG Việt Nam với chức năng quản lý và vận hành dự án. Như vậy, dự án CNG Việt Nam không những kế thừa trên cơ sở dự án Bazan mà còn được đánh giá là dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty.

- Ngày 9/4/2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có Nghị quyết số 1871/NQQ-DKVN về các giải pháp tăng tốc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2007 của Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí , trong Nghị quyết Tập đoàn đã đồng ý cho dừng thực hiện dự án sản xuất sợi Bazan siêu mảnh để tránh phát sinh thêm chi phí. Tập đoàn giao Công ty tổ chức đánh giá giá trị thực tế của dự án, tiến hành các thủ tục cần thiết để thanh lý dự án theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn đầu tư; xử lý các vấn đề về sắp xếp, phân loại lao động của dự án theo chế độ chính sách hiện hành.

- Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết định số 571/QĐ-DMC ngày 18/5/2007 về việc dừng thực hiện dự án Công trình nhà máy sợi Bazan siêu mảnh của chi nhánh công ty DMC tại Phú Mỹ. Công ty đã ký hợp đồng

với Công ty dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) kiểm toán chi phí của dự án (bao gồm chi phí xây lắp và chi phí thiết bị), đồng thời ký hợp đồng với Trung tâm thẩm định giá của Bộ Tài chính để thẩm định giá trị dự án và kết quả như sau:

- Ngày 10/05/2007, Công ty kiểm toán AASC đã phát hành báo cáo kiểm toán số 258/BCKT/XD về Báo cáo quyết toán quyết toán công trình Nhà máy sợi Bazan siêu mảnh với nội dung như sau:
    - Giá trị theo Báo cáo quyết toán: 7.280.353.455 đồng
    - Giá trị theo kết quả kiểm toán: 6.948.611.599 đồng
    - Giá trị chênh lệch: 331.741.856 đồng

  Phần chênh lệch 331.741.856 đồng là do việc xác định lại một số hạng mục như đơn giá vật tư theo thực tế và hoá đơn, khối lượng theo bản vẽ hoàn công, nghiệm thu công trình...Tuy nhiên, theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo quyết toán vốn đầu tư với tổng mức đầu tư thực hiện là 6.948.611.599 đồng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình quyết toán vốn đầu tư của dự án Công trình nhà máy sợi Bazan siêu mảnh. Giá trị chênh lệch trên không gây ảnh hưởng lớn đối với các hạng mục trong báo cáo tài chính của Công ty DMC do giá trị này chỉ chiếm tỷ trọng 0,28% so với vốn điều lệ của Công ty.
- Ngày 8/9/2007, Công ty kiểm toán AASC đã phát hành Báo cáo kiểm toán sô 84/BCKT/XD quyết toán phần chi phí thiết bị và chi phí khác công trình Nhà máy sợi Bazan siêu mảnh với nội dung như sau:
    - Giá trị theo Báo cáo quyết toán: 22.628.109.002 đồng.
    - Giá trị theo kết quả kiểm toán: 22.624.509.002 đồng.
    - Giá trị chênh lệch: 3.600.000 đồng

  Gía trị chênh lệnh này lớn so với tổng giá trị tài sản của Công ty, do vậy, không gây ảnh hướng đáng kể trên báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty DMC.
- Ngày 18/7/2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 45/HĐ-UQ với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu để thực hiện bán đấu giá tài sản dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 05/2005/ NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ. Tính đến thời điểm 31/8/2007, việc bán đấu giá tài sản dự án đã được thực hiện và công ty đang nhanh chóng thực hiện công tác quyết toán tài chính cho dự án.

- Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm dầu khí đã tiến hành xử lý dứt điểm dự án, thu hồi vốn. Tại Nghị quyết số 1871/NQQ-DKVN ngày 9/4/2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chấp nhận cho Công ty DMC được sử dụng một phần tiền thu được từ việc bán bớt cổ phần của Tập đoàn đang nắm giữ tại Công ty (giảm tỷ lệ nắm giữ từ 82,5 % xuống còn 40% vốn điều lệ) để khắc phục dự án, phần còn lại Tập đoàn cho Công ty vay trong 03 năm không tính lãi để đầu tư, mở rộng sản xuất

kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn và của Công ty. Do vậy, trong vấn đề này, lợi ích của cổ đông của công ty vẫn được bảo đảm.

b. Giá trị Công ty tại thời điểm 18/10/2005 (thời điểm chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần) chưa được Bộ Công nghiệp phê duyệt. Do vậy, đơn vị kiểm toán không đưa ra ý kiến về các ảnh hưởng có thể phát sinh từ kết quả phê duyệt của Bộ Công nghiệp về giá trị tài sản bàn giao sang công ty cổ phần.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Bộ Công nghiệp chưa phê duyệt "Quyết định bàn giao phần vốn Nhà nước cho Doanh nghiệp tại thời điểm quyết toán chuyển thể ngày 18/10/2005" (thời điểm chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần). Tuy nhiên, đến ngày 28/06/2007, Bộ Công nghiệp đã có Quyết định số 2229/QĐ-BCN về việc xác định giá trị phần vốn nhà nước và phê duyệt quyết toán công tác cổ phần hóa của Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần, như sau:

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp: 176.736.332.288 đồng
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng, trong đó giá trị cổ phần Nhà nước là 98.997.000.000 đồng.

c. Tại thời điểm lập Báo cáo kiểm toán, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/2/2006 của Bộ Tài chính. Nếu trích lập dự phòng đầy đủ thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 4,3 tỷ đồng và dự phòng phải thu khó đòi sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

Theo công ty, tại thời điểm 31/12/2006, số dư các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán của Công ty là 17,9 tỷ đồng. Tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần ngày 18/10/2005, toàn bộ khoản dự phòng phải thu Công ty đã trích lập là 3.119.267.233 đồng phải hoàn nhập vào lợi nhuận 2005 theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp lần 2. Vì vậy năm 2006, Công ty phải trích lập lại toàn bộ dự phòng phải thu khó đòi. Nếu Công ty trích lập đúng theo Thông tư số 33/2006/TT- BTC thì dự phòng phải thu khó đòi Công ty phải lập là 9,7 tỷ đồng. Để giảm áp lực đối với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2006 và căn cứ vào tính chất các khoản phải thu cũng như khả năng thu hồi nợ, Công ty tiến hành trích lập dự phòng từng bước, cụ thể năm 2006 Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 5.435.085.918 đồng. Năm 2007, Công ty cam kết sẽ trích lập đầy đủ khoản dự phòng này theo đúng quy định của pháp luật.

d. Công ty chưa trích đủ quỹ lương trên doanh thu theo tỷ lệ đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, do vậy chi phí lương và các khoản phải trả CBCNV trong năm bị phản ảnh thiếu với số tiền khoảng 3 tỷ đồng.

Theo ý kiến của Công ty, tại Quyết định số 1250/QĐ-DMC ngày 25/12/2006 về việc giao đơn giá tiền lương năm 2006 cho Công ty, theo đó đơn giá tiền lương với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh và quản lý liên doanh là 141,9 đồng/1000 đồng doanh thu. Như vậy, nếu trích hết theo tỷ lệ này thì quỹ lương năm 2006 của Công ty là 30,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, nếu trích hết theo tỷ lệ trên thì lợi nhuận của một số sản phẩm, hàng hoá của công ty bị âm. Do đó, Công ty thực hiện trích lương dưới mức

nói trên cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty cam kết sẽ thực hiện trích lập đầy đủ theo mức đã được HĐQT phê duyệt và đưa ra định mức đơn giá tiền lương thực hiện trên doanh thu phù hợp trong các năm tới.

e. Ngoài ra, còn có một số vấn đề cần lưu ý như sau:

- Năm 2006, Công ty đã phân loại chi phí quản lý doanh nghiệp sang chi phí tài chính với giá trị hơn 4 tỷ đồng. Giá trị này được Công ty xác định trên cơ sở 10% phí quản lý trên phần lãi được hưởng theo tỷ lệ vốn góp.

Sở dĩ công ty phân loại chi phí doanh nghiệp sang chi phí hoạt động tài chính với giá trị hơn 4 tỷ đồng do hoạt động đầu tư vào liên doanh được coi là một hoạt động đầu tư tài chính, là một trong những hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, do đó, Công ty phân bổ chi phí quản lý tương tự như các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty.

- Trong năm 2006, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính số lãi được chia từ Công ty liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam với số tiền là 2,5 triệu USD. Điều này Công ty thực hiện trên cơ sở Nghị Quyết số BOD08/2006 của Hội đồng quản trị Công ty liên doanh MI- Việt Nam

8. Chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2007-2010

- Duy trì và nâng cao chất lượng, sản lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ hiện có; Tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết phát triển thêm các sản phẩm được sản xuất từ nguồn nguyên liệu trong nước để xuất khẩu;

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có hàm lượng chất xám và lợi nhuận cao;

- Hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước, trên cơ sở áp dụng công nghệ hiện đại để mở rộng các dự án đầu tư vào các lĩnh vực mới:

  - Đầu tư mở rộng dự án CNG;
  - Dự án sản xuất Etanol nhiên liệu;
  - Dự án khai thác khoáng sản tại Lào,
  - Dự án cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho nhà máy thép Tycoons và nhà máy lọc dầu Dung Quất;
  - Các dự án khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản ....

- Tập trung phát triển dịch vụ dung dịch khoan trong nước và chuẩn bị nhân lực, tài lực để tiến tới xuất khẩu dịch vụ này ra nước ngoài;

- Phấn đấu trở thành nhà thầu phụ dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí. Đảm bảo khả năng cung cấp trọn gói dịch vụ kỹ thuật dung dịch khoan dầu khí cho các nhà thầu đang hoạt động tại Việt Nam và hoạt động khoan tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ở nước ngoài;

- Đổi mới về cơ cấu sử dụng vốn, thực hiện chủ trương bán cổ phần phần vốn Nhà nước tại Công ty, dự kiến giảm tỷ lệ cổ phần của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam xuống còn 40%. Tăng cường hiệu lực quản lý, điều hành, giảm chi phí sản xuất,

quản lý, thực hành tiết kiệm. Phòng chống lãng phí tiêu cực nhằm bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng lợi nhuận, tăng cổ tức, thực hiện cải cách tiền lương, tăng thu nhập cho người lao động.

- Giao quyền tự chủ cho các Chi nhánh thông qua chế độ phân cấp và quy chế hoạt động. Cần có chế tài kiểm tra, kiểm soát tài chính, kế hoạch, lao động tiền lương, vật tư… chặt chẽ. Thực hiện việc khoán đối với các chi nhánh của Công ty.

- Kiện toàn tổ chức nhân sự, thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ nhằm khai thác đúng khả năng của nguồn nhân lực.

- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động, xây dựng đội ngũ nhân viên có tính tự chủ cao và khả năng sáng tạo.

- Công ty phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm đến 2010 là 120%, đạt doanh thu trên 973 tỷ đồng, doanh thu đến năm 2015 đạt trên 1500 tỷ đồng.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Là nhà cung cấp hàng đầu trong lĩnh vực dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí trong nước, Công ty xác định mục tiêu từng bước tiến tới trở thành nhà cung cấp chính cho các nhà thầu trong khu vực và trên thế giới đồng thời với việc tiến tới thực hiện cung cấp dịch vụ trọn gói về dung dịch khoan cho các giếng khoan, góp phần vào sự phát triển khối dịch vụ dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu này, Công ty đã không ngừng tìm kiếm các nguồn nguyên liệu, phát triển các sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, đào tạo nhân lực làm nền tảng để thực hiện và mở rộng dịch vụ ra nước ngoài.

- Trong giai đoạn hiện này, mặc dù trên thị thường đã xuất hiện các nhà sản xuất nhỏ lẻ kinh doanh một số sản phẩm truyền thống của Công ty, nhưng Công ty giữ vững vị thế của mình với 95% thị phần trong lĩnh vực dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí bằng quy mô, uy tín và chất lượng sản phẩm.

- Vị thế của Công ty được thể hiện ở uy tín cũng như thương hiệu DMC đối với các đối tác trong và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí. Ngoài ra Công ty còn có vị thế về năng lực tài chính, luôn tạo được uy tín với các đối tác liên doanh, liên kết. Cơ sở vật chất kỹ thuật được trang bị đầy đủ, đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm, am hiểu thị trường. Cụ thể như sau:

- ***Về thương hiệu DMC đối với các dự án liên doanh liên kết:***

Hiện tại, Công ty đang có 2 liên doanh với đối tác nước ngoài là Công ty Liên doanh M-I Việt nam và Công ty cổ phần CNG Việt Nam. Công ty Liên doanh M-I Việt Nam là một trong những liên doanh hoạt động thành công và hiệu quả nhất của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong suốt hơn 16 năm qua. Số vốn góp của phía DMC trong dự án này là 496.555 USD nhưng phần lợi nhuận mà Liên doanh này mang lại cho DMC là rất lớn. Năm 2006, lợi nhuận của DMC nhận được từ phía Liên doanh M-I Việt nam là 2.500.000 USD, tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp là 503,46%. Ngoài

ra, Công ty còn đầu tư góp vốn thành lập công ty cổ phần CNG Việt nam , trong đó DMC nắm giữ cổ phần chi phối bằng 51% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam bắt đầu hoạt động vào tháng 1/2008 và hứa hẹn sẽ đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận cao và ổn định về cho DMC.

- ***Về năng lực tài chính:***

Tổng giá trị tài sản của Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí vào thời điểm 31/12/2006 là 235,74 tỷ đồng trong đó vốn chủ sở hữu là 153,39 tỷ đồng, chiếm 65 % tổng tài sản. Điều này cho thấy tiền lực tài chính của Công ty khá vững, công ty chỉ có vay nợ ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng để hỗ trợ cho vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên trong thời gian tới, cùng với việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án mới, lợi thế về năng lực tài chính, tiềm lực vốn của Công ty cho phép công ty đáp ứng các quy định an toàn vốn và đảm bảo đúng tiến độ thời gian thực hiện các dự án.

- ***Về bộ máy quản trị, điều hành:***

Hệ thống quản trị điều hành và cấu trúc bộ máy đã được cải tiến liên tục theo hướng đáp ứng nhu cầu quản trị và điều hành Công ty trong qúa trình phát triển Công ty và hội nhập nền kinh tế. Với việc cải tiến bộ máy điều hành theo các chuẩn mực chung, Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu phát triển, tăng khả năng cạnh tranh và hội nhập.

- ***Về nguồn nhân lực:***

Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lãnh vực công nghệ hoá học, khoan dầu khí, có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố kinh nghiệm kinh doanh với kỹ năng quản trị Công ty.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Hiện tại, nền kinh tế Việt Nam đang tụt hậu khá xa so với các nước có điều kiện tư nhiên tương đồng trong khu vực Đông Nam Á. Với mục tiêu bắt kịp với tiến trình phát triển kinh tế của các nước trong khu vực, sự ổn định chính trị, cải tổ nền kinh tế và chính sách khuyến khích ưu đãi các nhà đầu tư nước ngoài của Chính phủ Việt Nam thì trong những năm tới nền kinh tế Việt Nam sẽ giữ được mức tăng trưởng cao, từ 8-10% hàng năm.

Với đặc thù là Công ty cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phục vụ cho công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí, vì vậy hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty gắn liền với tình hình khoan thăm dò, khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam cũng như của khu vực và thế giới. Theo kế hoạch trong 15 năm tới sẽ có khoảng 900 giếng khoan thăm dò và khai thác dầu khí của các nhà thầu dầu khí đang hoạt động tại Việt Nam, trong đó giai đoạn 2007-2010 là 300 giếng khoan.

Cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan là một chức năng, một phần công việc quan trọng của Công ty, tuy nhiên, trong thời gian qua, dịch vụ này vẫn chưa được Công ty chú trọng và triển khai thực hiện.

- Đối với thị trường trong nước, theo báo cáo quy hoạch phát triển dịch vụ dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam giai đoạn 2005-2010, nhu cầu dịch vụ trong ngành Dầu khí dự kiến khoảng 10,834 tỷ USD, tương đương khoảng 1,8 tỷ USD mỗi năm. Đồng thời, hiện nay Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang tiến hành xây dựng các nhà máy lọc dầu tại Dung Quất, kế hoạch hoàn thành là vào năm 2009. Sau khi các nhà máy lọc dầu hoàn thành, nhu cầu về hoá phẩm dầu khí sẽ tăng đột biến. Đây chính là các cơ hội lớn cho Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí khai thác các thị trường đầy tiềm năng này. Công ty đang nỗ lực để trở thành nhà thầu phụ dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí trong thời gian ngắn nhất để đảm bảo khả năng cung cấp trọn gói dịch vụ kỹ thuật dung dịch khoan dầu khí cho các nhà thầu đang hoạt động tại Việt Nam và hoạt động khoan tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ở nước ngoài.

9.3. Đánh giá sự phù hợp

- Với vị thế và triển vọng phát triển của ngành dầu khí nói chung và ngành dung dịch khoan, hoá phẩm dầu khí nói riêng, định hướng phát triển chung của Công ty là phù hợp với chiến lược phát triển của ngành và với tiềm lực của công ty.

- Tình hình thị trường chứng khoán sẽ ngày càng phát triển theo chiều hướng bền vững, tạo điều kiện, cơ sở thuận lợi để Công ty tiến hành niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động Công ty đến thời điểm 30/06/2007 là: 649 người.

Bảng 11: *Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2007*

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
1	Trên đại học	17	2.62
2	Đại học	203	32.28
3	Cao đẳng	12	1.85
4	Trung cấp	41	6.32
5	Công nhân kỹ thuật	325	50.08
6	CN/Nhân viên khác	51	6.85
Tổng cộng		**649**	**100**

Nguồn: *Công ty DMC*

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Chính sách đào tạo: Hàng năm, Công ty đều có kế hoạch đào tạo cụ thể đối với từng bộ phận trong Công ty đảm bảo cho CBCNV được học tập nâng cao trình độ, chuyên

môn, nghiệp vụ, an toàn vệ sinh môi trường, ngoại ngữ, tin học và quản lý chất lượng....

- Chính sách tiền lương: Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở Nghị Định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ và bảng lương năng suất của Công ty để chi trả cho người lao động. Trong suốt các năm qua, Công ty đã thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Hiện tại, để khuyến khích, phát huy được các lao động giỏi và lao động có trình độ, tay nghề cao, cũng như phản ảnh đúng hiệu suất lao động của CNCNV, Ban Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo các bộ phận chức năng nghiên cứu và xây dựng quy chế tiền lương mới áp dụng từ ngày 1/7/2007.
- Công tác an toàn và môi trường: Công ty đã thực hiện tốt quy chế an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. Công ty thường xuyên chăm lo tới sức khỏe của CBCNV, bồi dưỡng độc hại, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động, giúp phát hiện và điều trị bệnh kịp thời.

11. Chính sách cổ tức

- Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên Công ty ngày 12/6/2007, tỷ lệ chia cổ tức của Công ty là cho năm 2006 là **16%.** Năm 2005, trong thời gian hơn 2 tháng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (từ 18/10/2005 đến 31/12/2005), Công ty cũng đã thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ **4%**. Năm 2007, tỷ lệ cổ tức dự kiến là **20%.**

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích khấu hao TSCĐ

Công ty tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 12/12/2003.

b. Thu nhập bình quân

- Năm 2005: 4.300.000 đồng/người/tháng;

- Năm 2006: 3.600.000 đồng/người/tháng;

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

d. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Tình hình trích lập các quỹ tại ngày 31/12/2006 như sau:

Bảng 12: *Trích lập các Quỹ tại ngày 31/12/2006*

Đơn vị: triệu đồng

Các quỹ	Năm 2006
Quỹ dự phòng tài chính	891
Quỹ đầu tư phát triển	3.567
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.078

Ghi chú: *Số liệu năm 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO và được điều chỉnh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Bộ Công nghiệp.*

e. Vay và nợ ngắn hạn

Vay và nợ ngắn hạn tính đến ngày 30/06/2007 là 12.053.717.653 đồng, phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Công thương khu vực Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01-2007/HĐTD với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng với thời hạn duy trì hạn mức cho vay đến ngày 30/4/2008. Lãi suất cho vay áp dụng đối với VNĐ là 10,8%/ năm và đối với USD là 6,5%/năm tại thời điểm ký kết hợp đồng và sẽ được điều chỉnh theo mức lãi suất cho từng thời kỳ theo Quyết định của Tổng Giám đốc Ngân Hàng Công thương Việt Nam. Khoản vay nói trên được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng tín chấp.

f. Tình hình công nợ

Bảng 13: *Các khoản phải thu 2005 – 2006*

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2005*	Năm 2006
1	Phải thu khách hàng	27.999.816.391	50.748.528.887
2	Trả trước cho người bán	3.770.504.263	4.642.034.301
3	Các khoản phải thu khác	87.768.048.819	72.084.915.973**
4	Dự phòng khoản phải thu khó đòi	(3.775.608.632)	(5.435.085.918)

Tổng cộng	**115.762.760.841**	**122.040.393.243**

Ghi chú: *Số liệu các năm 2005 và 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO*

(*) Số liệu năm 2005 là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 18/10/2005 (ngày chính thức trở thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2005

(**): Năm 2006, các khoản phải thu khác là hơn 72.084.915.973 đồng, trong đó phải thu từ liên doanh M-I Việt Nam là 66.888.358.216 đồng. Đây là khoản thu phải thu lớn, nguyên nhân là do Công ty Liên doanh Dung dịch khoan MI Việt Nam hoạt động trên số vốn góp và không vay Ngân hàng. Trong khi đó, doanh thu và lợii nhuận của Liên doanh là rất lớn, do vậy, Công ty Liên doanh thường phải chiếm dụng vốn của hai bên đối tác. Việc chuyển tiền chia lãi liên doanh có bị chậm nhưng luôn được đánh giá là khoản phải thu an toàn.

Bảng 14: *Các khoản phải trả 2005 – 2006*

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2005*	Năm 2006
I	**Nợ ngắn hạn**	**57.156.086.235**	**82.167.873.570**
1	Vay và nợ ngắn hạn	10.482.476.101	7.029.536.118
2	Phải trả cho người bán	5.811.842.157	6.211.757.711
3	Người mua trả tiền trước	58.851.647	3.000.000
4	Thuế và các khoản phải nộp cho NN	151.339.228	397.902.481
5	Phải trả công nhân viên	6.572.003.221	8.152.890.362
6	Chi phí phải trả	1.108.596.198	249.653.649
7	Phải trả nội bộ	10.779.469.271	9.098.151.062
8	Phải trả phải nộp khác	20.970.939.784	51.024.982.187
II	**Nợ dài hạn**	**1.220.568.628**	**175.031.944**
Tổng cộng		**57.156.086.235**	**82.342.905.514**

Ghi chú: *Số liệu các năm 2005, 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO và được điều chỉnh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Bộ Công nghiệp*

(*) Số liệu năm 2005 là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 18/10/2005 (ngày chính thức trở thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2005

Bảng 15: Các khoản phải trả người lao động

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2005*	Năm 2006
I	**Các khoản phải trả người lao động**		
1	Lương	6.572.003.221	8.152.890.362

Tổng cộng	**6.572.003.221**	**8.152.890.362**

Ghi chú: *Số liệu các năm 2005 và 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO*

Khoản mục phải trả người lao động trong Công ty đến 31/12/2006 là : 8.152.890.362 đồng. Trong năm 2006, Công ty trích quỹ lương tổng số là 27.835.523.121, đồng và theo quy chế tiền lương, tiền thưởng, Công ty để dự phòng tối thiểu là 17%. Vì cần có dự phòng cho năm sau và thưởng cho CBCNV vào dịp Tết nên Công ty đã để lại 29% quỹ lương đã trích.

Bảng 16: *Các khoản phải trả nội bộ năm 2005-2006*

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2005*	Năm 2006
I	**Các khoản phải trả nội bộ**		
1	Lợi nhuận nộp PetroVietnam	5.737.830.076	3.963.442.728
2	Phí quản lý	64.032.880	-
3	Tài khoản Trung tâm của PetroVietnam	4.930.000.000	4.930.000.000
4	Lãi vay Tài khoản Trung tâm của PetroVietnam	47.606.315	204.708.334
Tổng cộng		**10.779.469.271**	**9.098.151.062**

Ghi chú: *Số liệu các năm 2005 và 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO*

Bảng 17: *Các khoản phải trả, phải nộp khác 2005 – 2006*

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2005*	Năm 2006
I	**Các khoản phải trả, phải nộp khác**		
1	Tiền thu về bán cổ phần phải nộp về PetroVietnam	19.769.276.871	2.009.748.331
2	Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 17/10/2005 phải trả Petrovietnam		40.547.045.419
3	Chênh lệch phần vốn Nhà nước lớn hơn vốn điều lệ, các quỹ của Công ty và các điều chỉnh khác khi xác định giá trị bàn giao về PetroVietnam.	-	6.855.802.993
4	Phải trả phải nộp khác	1.201.662.913	1.612.385.444
Tổng cộng		**20.970.939.784**	**51.024.982.187**

Ghi chú: *Số liệu các năm 2005, 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO và được điều chỉnh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Bộ Công nghiệp*

(*) Số liệu năm 2005 là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 18/10/2005 (ngày chính thức trở thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2005

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: *Các chỉ tiêu đánh giá tình hình kinh doanh 2005 – 2006*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2005*	2006
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	3.21	2.18
	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	lần	2.32	1.78
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	23.82	34.93
	Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu	%	31.27	53.68
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho	lần	2.90	3.15
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0.67	0.74
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	%	40.82	17.68
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	41	25,73
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	27.28	13.10
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	40.90	17.80

Ghi chú: *Số liệu các năm 2005 và 2006 được kiểm toán bởi Công ty VACO*

(*) Các chỉ tiêu đánh giá năm 2005 được tính trên cơ sở số liệu của Công ty thời kỳ từ 1/1/2005 đến 17/10/2005 (Doanh nghiệp Nhà nước) và 18/10/2005 đến 31 /12/2005 (Công ty cổ phần)

13. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

1. Ông **Nguyễn Hữu Phẩm** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 01/01/1950
- Số CMTND: 011499171 cấp ngày 30/9/2005 cấp tại Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khoan khai thác Dầu khí.

- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1967 -1973: Sinh viên Đại học Dầu Bucaret – Rumani.
  - Từ tháng 10/1973 – 10/1975: Kỹ sư khoan tại Liên đoàn địa chất 36 Thái Bình.
  - Từ năm 1975 - 1980: Giáo viên, Phó Phòng Giáo vụ Trường Khoan sâu Dầu khí Tân Cầu – Hưng Yên.
  - Từ năm 1980 – 1981: Học Trung cấp Lý luận Mác – Lê Nin.
  - Từ năm 1981 – 1990: Chuyên viên Vụ Lao động tiền lương, Vụ Tổ chức Cán bộ Tổng cục Dầu khí.
  - Từ năm 1990 – 1993: Phó Giám đốc Xí nghiệp Hoá phẩm Dầu khí Yên Viên.
  - Từ tháng 5/1993 – 06/2004: Phó Giám đốc Công ty DMC.
  - Từ tháng 6/2004 – 08/2006: Giám đốc Công ty DMC.
  - Từ tháng 8/2006 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty DMC.
- Số cổ phần đại diện cho phần vốn Nhà nước: 3.389.730 cổ phần, chiếm 28.25% vốn ĐL.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 7.500 cổ phần, chiếm 0,0625% vốn ĐL.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không.

2. Ông **Bùi Ngọc Quang**– Uỷ viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 30/08/1960.
- Số CMTND: 273060770 cấp ngày 20/6/1996 cấp tại Vũng Tàu
- Trình độ văn hoá: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khoan Dầu khí.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1983 – 1990: Kỹ sư Công ty Dầu khí I – Thái Bình.
  - Từ năm 1990 – 1991: Kỹ sư Dung dịch khoan DMC.
  - Từ năm 1991 -1994: Kỹ sư Công ty ADF - Việt Nam.
  - Từ năm 1994 – 1996: Trưởng phòng Hợp đồng ADF - Việt Nam.
  - Từ năm 1996 – 8/2006: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc M-I Việt Nam.
  - Từ 08/2006 – nay: Uỷ viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty DMC.
- Số cổ phần đại diện cho phần vốn Nhà nước: 2.760.000 cổ phần, chiếm 23% vốn ĐL.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 3.000 cổ phần, chiếm 0,025% vốn ĐL.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không.

3. Ông **Nguyễn Văn Lụa** – Uỷ viên Hội đồng quản trị.

- Năm sinh: 16/02/1950.
- Số CMTND: 011028520 cấp ngày .10/11/2005 tại Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại Thương.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1968 – 1972: Bộ đội.
  - Từ năm 1972 – 1978: học Đại học Ngoại thương .
  - Từ năm 1978 – 1989: Phó phòng Kế hoạch Công ty Vật tư Vật tải - Tổng cục dầu khí.
  - Từ 1989 – 1990 : Trưởng ban sản xuất phụ Xí nghiệp dịch vụ dầu khí.
  - Từ 1990 – 1992 : Trưởng phòng kinh tế Công ty DMC.
  - Từ 1992 – 08/2006 : Phó Giám đốc Công ty DMC.
  - Từ 08/2006 – nay : Uỷ viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty DMC.
- Số cổ phần đại diện cho phần vốn Nhà nước: không có.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 6.600 cổ phần, chiếm 0.055% vốn ĐL.
- Số cổ phần của những người có liên quan:
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không.

4. Ông **Nguyễn Ngọc Khánh** – Phó Tổng Giám đốc.

- Năm sinh: 01/09/1957.
- Số CMTND: 011081075 cấp ngày 15/11/2005 tại Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1980 – năm 1988: Cán bộ Công ty Vật tư vận tải Dầu khí.
  - Từ năm 1988 – năm 1990: Cán bộ Xí nghiệp sản xuất-dịch vụ Dầu khí 2
  - Từ năm 1990 – năm 1991: Cán bộ Công ty DMC
  - Từ năm 1991- năm 1996: Phó phòng KT-KH Công ty DMC
  - Từ năm 1996 – năm 2000: Trưởng phòng Vật tư – Vận tải – Công ty DMC
  - Từ năm 2001 – năm 2004: Giám đốc Xí nghiệp Hóa phẩm Dầu khí Yên Viên
  - Từ năm 2004 – nay: Phó Giám đốc Công ty DMC, nay là Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần DMC
- Số cổ phần đại diện cho phần vốn Nhà nước: không có

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4.900 cổ phần, chiếm 0,041% vốn ĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

5. Ông **Phạm Xuân Toàn –** Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 22/04/1961.
- Số CMTND: 012566639 cấp ngày 29/11/2002 tại Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Công nghệ Dầu khí.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1979 – năm 1984: Học tập tại ĐH Mỏ địa chất- chuyên ngành Khoan khai thác Dầu khí.
  - Từ năm 1985 – năm 1992: Cán bộ Viện Dầu khí Việt Nam
  - Từ năm 1992 – năm 2006: Phó phòng Khoan khai thác-Viện Dầu khí Việt Nam
  - Từ năm 2006 - năm 2007: Công tác tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
  - Từ tháng 9/2007 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần DMC
- Số cổ phần đại diện cho phần vốn Nhà nước: không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: không có
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

6. Ông **Lê Công Thanh** - Uỷ viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 28/09/1953.
- Số CMTND: 011841071 cấp ngày 20/5/1994 tại Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hoá học.
- Quá trình công tác:
  - Từ tháng 04/1976 – 06/2000: Chuyên viên chính Tập đoàn Dầu khí theo dõi các dự án Hoá dầu (phòng CBDK).
  - Từ tháng 07/2000 – 06/2004: Phó Tổng giám đốc thứ I – Công ty Liên doanh nhựa hoá chất Phú Mỹ.
  - Từ tháng 07/2004 – nay: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Phân đạm – Hoá chất Dầu khí.
- Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Công ty CP Phân đạm và Hoá chất Dầu khí (PVFC Co.): 989.970 cổ phần
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: không có

- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

7. Ông **Trần Quốc Việt** - Uỷ viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 12/06/1963.
- Số CMTND: 271487311 cấp ngày 6/5/2003 tại Vũng Tàu
- Trình độ văn hoá: Cao học.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
- Quá trình công tác:
  - Từ tháng 12/1986 – 08/1999: Chuyên viên chính kinh tế Phòng KTKH, Xí nghiệp khoan - Liên doanh Dầu khí Vietsovptro.
  - Từ tháng 09/1999 – 05/2003: Trưởng phòng KTKH, Xí nghiệp khoan – Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
  - Từ tháng 06/2003 – 2006: Chuyên viên ban KH& ĐT, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
  - Từ 2006- đến nay: Phó Ban Kế hoạch -Đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Số cổ phần đại diện cho phần vốn Nhà nước: 2.760.000 cổ phần, chiếm 23% vốn ĐL
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ:không có
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

8. Ông **Tạ Văn Ngừng**- Trưởng Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 15/07/1955.
- Số CMTND: cấp ngày 011788089 tại Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1980 – 09/1986: Chuyên viên Kế toán Viện Dầu khí.
  - Từ tháng 10/1986 – 05/1992: Kế toán trưởng Ban quản lý công trình Viện Dầu khí.
  - Từ tháng 06/1992 – 06/1994: Phụ trách Phòng TCKT, Viện Dầu khí.
  - Từ tháng 07/1994 – 0/2006: Kế toán trưởng, Trưởng Phòng TCKT, Trung tâm Thông tin và Tư liệu Dầu khí.
  - Từ tháng 09/2006- nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty DMC.
- Số cổ phần đại diện cho phần vốn Nhà nước: không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: không có

- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

9. Bà **Trịnh Thị Len** – Thành viên Ban Kiểm soát.

- Năm sinh: 22/09/1957.
- Số CMTND: 012916501 cấp ngày 7/12/2006 tại Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1974 -1978: Học Đại học Kinh tế quốc dân.
  - Từ năm 1978 -01/2000: Công tác tại Công ty kim khí Hải Phòng sau đổi tên thành Công ty hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.
  - Từ 26/01/2000: Công tác tại Công ty DMC.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 600 cổ phần, chiếm 0,005 % vốn ĐL
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

10. Bà **Trần Thị Oanh** – Thành viên Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 02/09/1973.
- Số CMTND: 012297564 cấp ngày 15/3/2000 tại Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:
  - Từ tháng 09/1991 – 06/1995: Sinh viên trường Đại học Thương mại Hà Nội.
  - Từ 20/09/1995 – nay: Làm việc tại DMC (Phòng kinh tế - kế hoạch).
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 800 cổ phần, chiếm 0,007% vốn ĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

10. Bà **Đinh Thị Thủy** – Kế toán trưởng

- Năm sinh: 11/09/1956.
- Số CMTND: 011897009 cấp ngày 20/6/1995 tại Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Cao học.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
- Quá trình công tác:
  - Từ 1974-1977: Sinh viên Đại học Tài chính kế toán.

- Từ 1978- 1980: Chuyên viên Đoàn Cải tiến Kinh tế của Bộ Tài chính tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ 1981- 1988: Chuyên viên Uỷ ban Xây dựng cơ bản tỉnh Thái Bình.
- Từ 1988- 1990: Chuyên viên Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình.
- Từ 1991- 1996: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán DMC.
- Từ 1996-1999: Phó Kế toán trưởng Công ty DMC.
- Từ 2000 đến nay: Kế toán trưởng Công ty DMC.

▪ Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4.100 cổ phần, chiếm 0,034% vốn ĐL

▪ Số cổ phần của những người có liên quan.

▪ Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

14. Tài sản

Tình hình văn phòng, nhà xưởng đang sử dụng của DMC

Bảng 19: *Tình hình đất đai, nhà xưởng của Công ty*

TT	Diễn giải	Địa điểm	Diện tích (m2)	Ghi chú
1	Trụ sở làm việc	97 Láng Hạ	736,6	Đất thuê của Tập đoàn Dầu khí VN
2	Chi nhánh Yên Viên	Đình Xuyên, Yên Viên - Gia Lâm, HN	33.279	Đất thuê (30 năm) Thời gian : 1996-2026
4	Chi nhánh Quảng Ngãi	Nguyễn Công Phương, Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi	18.605	Đất thuê (30 năm) Thời gian : 2000-2030
4	Chi nhánh Vũng Tàu	99 Lê Lợi Vũng Tàu	20.827	Đất thuê (50 năm) Thời gian : 1996-2046
5	Chi nhánh Phú Mỹ*	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, BRVT	6.800	Đất thuê (10 năm) Thời gian : 1999-2009

Ghi chú::Theo Hợp đồng thuê lại đất số 154/HĐ/TLĐ.99 ngày 21/9/1999 giữa Công ty Đầu tư & Khai thác hạ tầng KCN Đông Xuyên &Phú Mỹ 1 và Công ty DMC, diện tích đất thuê tại chi nhánh Phú Mỹ là 10.000 m2. Ngày 16/8/2007, hai Bên đã ký Phụ lục Hợp đồng, theo đó Công ty DMC điều chỉnh giảm diện tích thuê còn 6.800 m2 và chuyển 3.200 m2 đất còn lại sang cho Công ty cổ phần CNG Việt Nam.*

Nguồn: Công ty DMC

Các tài sản chính của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2006 như sau:

Bảng 20: *Danh mục tài sản cố định*

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải	5.430	836
Nhà cửa, vật kiến trúc	50.897	34.594
Máy móc, thiết bị	14.611	3.118
Thiết bị, dụng cụ quản lý	13.569	4.279
Cộng	**84.507**	**42.827**

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007-2010

15.1. Các chỉ tiêu hoạt động giai đoạn 2007-2010

Bảng 21: *Các chỉ tiêu tài chính 2007 – 2010*

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Tr. đ	Tăng giảm so với năm 2006	Tr.đ	Tăng giảm so với năm 2007	Tr.đ	Tăng giảm so với năm 2008	Tr.đ	Tăng giảm so với năm 2009(%)
Doanh thu thuần (DTT)	283.031	62%	449.970	59%	798.970	77%	973.000	21%
LN sau thuế (LNST)	45.300	47%	60.000	32%	80.000	33%	100.000	25%
LNST/DTT	16%		11,97%		10%		10,27%	
LNST/VĐL	38%		40%		40%		40%	
Cổ tức	20%		20%		20%		20%	

Nguồn: DMC

15.2. Căn cứ để đạt các chỉ tiêu trên

Việc đặt ra những chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2007-2009 được Công ty xây dựng trên các căn cứ sau:

- Công ty DMC tiếp tục giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới cho các sản phẩm của Công ty như Barite, Bentonite, Xi măng G, Dầu bôi trơn, các hoá chất khai thác Dầu khí, quặng Barite, quặng Cacbonat xuất khẩu…
- Công ty đã ký được hợp đồng cung cấp dịch vụ dung dịch khoan với Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí (PIDC) với giá trị 2 triệu USD. Ngoài ra, với ưu thế là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí, DMC được Tập đoàn chấp thuận cho tiếp tục cung cấp dịch vụ dung dịch khoan cho các giàn khoan trên đất liền của công ty PIDC trong khoảng thời gian 3 năm theo Nghị Quyết số 1371/NQ-DKVN của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 09/04/2007. Đây là bước chuẩn bị quan trọng để Công ty DMC phát triển loại hình dịch vụ này trên phạm vi cả nước và nước ngoài kết hợp với kinh doanh hoá chất, hoá

phẩm tạo phát triển đột phá trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí, chuyển dịch nhanh cơ cấu sản phẩm, doanh thu, tăng mạnh doanh thu và lãi từ hoạt động dịch vụ dầu khí.

- Đầu tư vào Công ty cổ phần CNG Việt Nam: Công ty cổ phần CNG Việt Nam đã được cấp giấy phép từ tháng 6 /2007 với mục tiêu thực hiện dự án là sản xuất, chế biến, chuyên chở, phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí, cụ thể sẽ xây dựng nhà máy chế biến khí CNG với công suất 30.000.000 m3/năm và nâng lên 50.000.000 m3/năm vào năm 2008 tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu. Tổng vốn đầu tư dự án là 5.253.616 USD, trong đó tổng số vốn góp của các bên là 1.200.000 USD, trong đó Công ty DMC chiếm 51% vốn góp, Công ty IEV Energy Adn.Bhd chiếm 42% vốn góp, Công ty TNHH Sơn Anh chiếm 7% vốn góp. Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được phê duyệt, doanh thu năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động (năm 2008) đạt khoảng 5,6 triệu USD, năm 2009 đạt 8 triệu USD, lợi nhuận sau thuế mà Công ty CP DMC được chia tương ứng là 890 nghìn USD và 1,7 triệu USD. Ngoài ra, Công ty CP DMC còn có được doanh thu và lợi nhuận từ việc cung cấp khí đầu vào cho dự án. Đây là dự án có hiệu quả kinh tế cao và đem lại cho Công ty một nguồn lợi nhuận lớn.
- Tăng cường hoạt động Công ty liên doanh M-I Việt Nam. Duy trì và phát triển mối quan hệ cùng có lợi với M-I Việt nam. Luôn đối xử với M-I Việt Nam như một khách hàng lớn và là một đối tác quan trọng cho sự phát triển của DMC.

15.3. Các kế hoạch, dự án đầu tư được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:

- Dự án đầu tư thăm dò, khai thác chế biến sét Bentonite ở Di Linh-Lâm Đồng;
- Dự án đầu tư thăm dò khai thác các mỏ Barite ở các tỉnh phía Bắc;
- Mở rộng dự án CNG;
- Góp vốn đầu tư xây dựng toà nhà cao ốc 97 Láng Hạ;
- Đầu tư mở rộng sản xuất Xi măng G tại Chi nhánh Vũng Tàu;
- Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin quản lý;
- Mở rộng dự án sản xuất keo dán gỗ U F DAK tại Quảng Ngãi;
- Chuẩn bị cho dự án cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất và Công ty thép Tycoons.
- Đầu tư kinh doanh khoáng sản tại Lào.
- Đối với dự án nhà máy sợi Bazan siêu mảnh: Công ty tiến hành xử lý theo sự chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam. Theo Nghị quyết số 1871/NQ-DKVN ngày 09/4/2007, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam đã đồng ý dừng thực hiện dự án sản xuất sợi bazan siêu mảnh để tránh phát sinh thêm chi phí. Tập đoàn giao cho Công ty DMC tổ chức đánh giá giá trị thực tế của dự án, làm thủ tục thanh lý tài sản theo quy định hiện hành để thu hồi vốn đầu tư. Đồng thời, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chấp nhận cho Công ty DMC được sử dụng một phần tiền thu được từ việc bán bớt cổ phần của Tập đoàn đang nắm giữ tại Công

ty để khắc phục dự án, phần còn lại Tập đoàn cho Công ty vay trong 03 năm không tính lãi để đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn và của Công ty.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là nhà tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí đã tiến hành thu thập các thông tin, phân tích và đưa ra các đánh giá cũng như dự báo về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí. Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận mà công ty dự kiến là có thể chấp nhận được vì các lý do sau

- Tốc độ phát triển nền kinh tế trong nước đang ở mức khá cao và ngày càng ổn định, các chính sách của nhà nước ngay càng thông thoáng đối với hoạt động của các doanh nghiệp.
- Với vị thế và triển vọng phát triển của ngành dầu khí nói chung và ngành dung dịch khoan, hoá phẩm dầu khí nói riêng, định hướng phát triển chung của Công ty trong tương lai là phù hợp với chiến lược của ngành và phù hợp với tiềm lực nội tại của Công ty
- Đến thời điểm cuối năm 2006, doanh thu thuần Công ty đạt 174,72 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 30,88 tỷ đồng, tương đương 98% kế hoạch cho cả năm 2006. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007, tỷ lệ cổ tức trả cho các cổ đông năm 2006 là 16%. Năm 2005, tỷ lệ cổ tức là 4% cho kỳ hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 18/10/2005 đến 31/12/2005. Theo kế hoạch, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trong giai đoạn 2007-2010 duy trì trên mức 10% doanh thu thuần. Dự kiến trong các năm tới Công ty giữ mức cổ tức ổn định 20%. Như vậy phần lợi nhuận còn lại đủ cho Công ty trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung nguồn vốn kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.
- Hoạt động đầu tư liên doanh liên kết của Công ty ngày càng hiệu quả. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Liên doanh M-I Việt Nam năm 2006 rất khả quan, góp phần tiêu thụ một khối lượng lớn hàng hóa và dịch vụ do Công ty DMC sản xuất, mang lại cho công ty DMC một khoản lợi nhuận lớn. Dự kiến trong 5 năm tới, Công ty liên doanh M-I Việt Nam tiếp tục hoạt động hiệu quả và là một trong những đối tác quan trọng của công ty. Ngoài ra, năm 2008, công ty con của công ty là công ty cổ phần CNG Việt Nam dự kiến sẽ đi vào hoạt động và sẽ có nguồn thu ổn định, góp phần giúp cho công ty cân đối hoạt động tài chính và phát triển.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà công ty đưa ra là có tính khả thi và công ty có thể đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng tỷ lệ trả cổ tức mà công ty đưa ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, trên cơ sở những thông tin do công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí cung cấp, và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin đăng ký

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết	12.000.000 cổ phần

Trong đó, số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 27.500 cổ phần do cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, KTT của Công ty cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và ít nhất 50% số cổ phần này trong 6 tháng tiếp theo.

Phương pháp tính giá

Giá giao dịch dự kiến của Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí được tính toán dựa trên giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2006 và thời điểm 30/6/2007

$$\text{Giá trị một cổ phần} = \frac{\text{Giá trị sổ sách Công ty}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Nội dung	Thời điểm 31/12/2006	Thời điểm 30/06/2007
Tổng số CP đang lưu hành (CP)	12.000.000	12.000.000
Vốn CSH (đồng)	151.303.310.187	171.507.011.004
Giá trị 1 CP (đồng)	12.608	14.292

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí theo đúng qui định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 10.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn ĐL

Các loại thuế liên quan

- Thuế TNDN: Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm dầu khí là doanh nghiệp cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần nên được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư số 128/2003/TT- BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ- CP, Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm dầu khí được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm (2006 và 2007) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 tiếp theo (2008, 2009). Thời điểm Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm dầu khí cổ phần hoá là 18/10/2005, tuy nhiên do năm tài chính đầu tiên có thời gian dưới 6 tháng nên Công ty vẫn thực hiện việc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn này và đăng ký thời gian được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp là 2006 – 2007, thời gian được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp là năm 2008-2009. Báo cáo kiểm toán thời điểm 18/10-31/12/2005 chưa thể hiện điều này là do thời điểm kiểm toán diễn ra trước thời điểm Công ty đăng ký với cơ quan thuế.
- Theo qui định trong Thông tư số 100/2004/TT-BTC "Hướng dẫn về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán", ban hành ngày 20/10/2004, cổ tức thu từ cổ phiếu thuộc diện miễn thuế hoàn toàn đối với tất cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PV Securities)**

Trụ sở chính

Địa chỉ: 22 Ngô Quyền – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 2 78.98.98 Fax: (84.4) 2.78.89.89

E-mail: pvsecurities@.com.vn Website: www.pvsecurities.com.vn

❖ **Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)**

Địa chỉ: Số 8 Phạm Ngọc Thạch - Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 8 52.41.23 Fax: (84.4) 8 52.41.43

PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. **Phụ lục II:** Dự thảo Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

3. **Phụ lục III:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết

   - Quyết định số 2229/QĐ-BCN ngày 28/06/2007 về việc xác định giá trị phần vốn nhà nước và phê duyệt quyết toán công tác cổ phần hóa của Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần;

   - Biên bản bàn giao Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí ngày 18/10/2005.

   - Quyết định số 206/QĐ-TCKT ngày 28/01/2005 về việc xác định giá trị Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.

   - Quyết định số 1322/QĐ-TCCB ngày 04/06/2004 về việc cổ phần hóa Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.

4. **Phụ lục IV:** Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 *(nguyên văn báo cáo kiểm toán)*

5. **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính quý II/2007.

Tp.Hà Nội, ngày ……. tháng năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN HỮU PHẨM

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI NGỌC QUANG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT **KẾ TOÁN TRƯỞNG**

TẠ VĂN NGỪNG **ĐINH THỊ THUỶ**